

Số: /BC-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022;
mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2023**
(Số liệu cập nhật đến hết 31/12/2022)

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

Bước vào năm 2022, cùng với cả nước, tỉnh Bắc Giang tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột Nga - Ukraina kéo dài; chính sách Zero COVID của nước bạn dẫn đến gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, giá cả nhiều mặt hàng thiết yếu leo thang; dịch COVID-19 và một số dịch bệnh nguy hiểm vẫn diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân.

Với quyết tâm đẩy nhanh quá trình phục hồi phát triển kinh tế, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) năm 2022, tạo đà cho thực hiện thắng lợi các mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, UBND tỉnh đã chủ động bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; chỉ đạo triển khai quyết liệt, bài bản, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát tình hình thực tiễn, tập trung xử lý những vấn đề tồn đọng kéo dài và giải quyết ứng phó kịp thời những vấn đề mới phát sinh; nỗ lực hoàn thành khối lượng công việc, nhiệm vụ ngày càng nhiều và nặng nề hơn.

Nhờ sự vào cuộc quyết liệt, sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy; sự chủ động, tích cực, đồng hành, phối hợp chặt chẽ của HĐND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; sự nỗ lực, sáng tạo trong chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, các sở, ngành và chính quyền các cấp; sự ủng hộ, tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp (DN); tình hình KTXH năm 2022 đạt kết quả nổi bật, toàn diện trên các lĩnh vực; vị thế, uy tín của tỉnh ngày càng được nâng lên. 17/18 chỉ tiêu chủ yếu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra; trong đó có 09 chỉ tiêu đạt kế hoạch và 08 chỉ tiêu vượt kế hoạch; có 01 chỉ tiêu không hoàn thành¹.

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. LĨNH VỰC KINH TẾ, ĐẦU TƯ VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Kinh tế của tỉnh duy trì đà phục hồi mạnh mẽ trong điều kiện khó khăn; tốc

¹Chỉ tiêu trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1: Hoàn thành kế hoạch về số tuyệt đối là 710 trường đạt chuẩn; tuy nhiên tỷ lệ đạt 94,5%, thấp hơn 0,5% so với kế hoạch là do phát sinh thêm 4 trường mới thành lập chưa đủ điều kiện về thời gian để công nhận chuẩn, dẫn đến không đạt về số tỷ lệ.

độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) cả năm đạt 19,3% (*gấp gần 2,5 lần bình quân chung cả nước*), cao nhất từ trước đến nay và đứng thứ 2 cả nước. Trong đó, ngành công nghiệp - xây dựng tăng 26,7 % (*công nghiệp tăng 30,9 %, xây dựng tăng 0,5%*); nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 2%; dịch vụ tăng 7,5 %; thuế sản phẩm tăng 8,4%². Quy mô GRDP được mở rộng; giá trị cả năm (*giá hiện hành*) đạt 155,9 nghìn tỷ đồng (*tương đương khoảng 6,5 tỷ USD*), vượt 2,6% kế hoạch (*đứng thứ 13 cả nước*); GRDP bình quân đầu người đạt 3.400 USD, tăng 15,3%, vượt 3% kế hoạch (*đứng thứ 23 cả nước*). Cơ cấu kinh tế dịch chuyển mạnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp; trong đó công nghiệp - xây dựng chiếm 62,3%, tăng 4,5% (*Công nghiệp chiếm 54,1%, tăng 5,5%; xây dựng chiếm 8,2%, giảm 1%*); dịch vụ (bao gồm cả thuế sản phẩm) chiếm 22,8%, giảm 2%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 14,9%, giảm 2,5% so với năm 2021.

Chất lượng tăng trưởng được cải thiện; tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt 29,5%, tăng 3% so với năm 2021. Năng suất lao động xã hội tăng 15,9% (*cả nước tăng khoảng 3,8-4,3%*), đạt 157,8 triệu đồng/lao động (*theo giá hiện hành*), vượt 2,6% kế hoạch. Ngành Dịch vụ là ngành có tốc độ tăng năng suất cao nhất với mức tăng 26,8%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 19,5%; Nông, lâm nghiệp và Thủy sản tăng 3,5%.

2. Công nghiệp - Xây dựng

2.1. Sản xuất công nghiệp

UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho DN, nhà đầu tư, nhất là những khó khăn về vốn, thị trường, lưu thông hàng hóa, thủ tục hành chính...; quan tâm đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN), hạ tầng giao thông kết nối và các hạ tầng phụ trợ khác. Nhờ vậy đã khích lệ, tạo điều kiện cho các DN đẩy mạnh đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh³. Sản xuất công nghiệp duy trì đà phục hồi mạnh, tạo động lực chính cho tăng trưởng kinh tế. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) cả năm tăng 31,5%⁴. Các sản phẩm công nghiệp chính có mức tăng mạnh; sản xuất được trên 1,7 tỷ chiếc mạch điện tích hợp, tăng 29,3%; 370 triệu thiết bị ngoại vi, tăng 39%; 500 nghìn tấn phân bón, tăng 23%; 445 triệu sản phẩm may mặc, tăng 32%

Giá trị sản xuất (GTSX) công nghiệp (*giá hiện hành*) cả năm đạt 407.928 tỷ đồng, vượt 11,3% kế hoạch. Khu vực DN FDI ngày càng đóng vai trò dẫn dắt các khu vực sản xuất công nghiệp của tỉnh; GTSX khu vực này đạt hơn 358,3 nghìn tỷ đồng (*tăng 38% so với năm 2021*); chiếm tỷ trọng 87,9% GTSX công nghiệp toàn tỉnh (*tăng 1,8%*); GTSX khu vực DN ngoài nhà nước đạt 40,4 nghìn tỷ đồng (*tăng 18,8%*), chiếm tỷ trọng 9,9% (*giảm 1,4%*); khu vực DN nhà nước đạt 9,1 nghìn tỷ đồng (*tăng 16,7%*), chiếm tỷ trọng 2,2% (*giảm 0,4%*). Theo lĩnh vực sản xuất, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục chiếm tỷ trọng chi phối, là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh nói chung và ngành công nghiệp

² Ngành Công nghiệp - xây dựng đóng góp 17,46 điểm phần trăm (*công nghiệp đóng góp 17,41 điểm, xây dựng đóng góp 0,05 điểm*); dịch vụ đóng góp 1,4 điểm; nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 0,3 điểm; thuế sản phẩm đóng góp 0,2 điểm.

³ Theo Báo cáo Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021; Bắc Giang nằm trong nhóm 05 tỉnh thành có tỷ lệ DN FDI dự định mở rộng quy mô cao nhất cả nước.

⁴ Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 33,1%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước tăng 6,7%; Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,4%; ngành công nghiệp khai khoáng giảm 11,9%; .

nói riêng (*chiếm 98,5% GTSX toàn ngành, tăng 0,5%*). Các ngành công nghiệp còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ, tiếp tục có xu hướng giảm.

Sản xuất công nghiệp chủ yếu tại các KCN với nhiều DN lớn như Luxshare, Fuhong, Siflex, Newwing, Fuyu của Tập đoàn Foxconn... Đến nay, trong các KCN có 403 DN đang hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng 20 DN so với năm 2021. Tổng giá trị sản xuất của các DN trong KCN năm 2022 đạt 293.375 tỷ đồng (*chiếm 72% tổng GTSX công nghiệp*), vượt 0,5% kế hoạch. Đến hết năm, có 195.578 lao động làm việc tại các KCN, tăng 6.754 lao động; trong đó, lao động địa phương chiếm khoảng 69%; lao động nước ngoài là 5.945 người; thu nhập bình quân của người lao động khoảng 7,7 triệu đồng/người/tháng.

Tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở các địa phương đều có mức tăng trên 10%, trong đó một số địa phương có mức tăng cao, như: Lạng Giang tăng 39,4%, Yên Thế 39,5%, Việt Yên 33,3%, Hiệp Hòa 35%. Huyện Việt Yên là địa phương sản xuất công nghiệp lớn nhất tỉnh; chiếm tới 75% GTSX toàn tỉnh, tăng 1,7% năm 2021; thành phố Bắc Giang đứng thứ 2, chiếm 8,9%, giảm 0,6%; tiếp đến là Yên Dũng, chiếm 4,4%, giảm 0,2%, Hiệp Hòa 2,4%, tăng 0,1%; Lạng Giang 1,9%, tăng 0,1%; các huyện còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ, đều dưới 1%.

2.2. Xây dựng

Các hoạt động xây dựng được đẩy mạnh. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện đề án phát triển vật liệu xây dựng (VLXD) tỉnh thời kỳ 2021-2030; chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển VLXD không nung đến năm 2030; chỉ đạo đẩy nhanh đầu tư phát triển đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản; đôn đốc các huyện, thành phố lập kế hoạch chi tiết triển khai các dự án khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn. Công tác quản lý VLXD trên địa bàn tỉnh đã từng bước được nâng cao đi vào nề nếp, không bị đầu tư dàn trải, tránh lãng phí nguồn lực xã hội; chất lượng sản phẩm VLXD do các DN trong tỉnh sản xuất và sản phẩm đưa vào công trình được tăng lên, góp phần nâng cao chất lượng công trình trên địa bàn.

Trong năm một số loại VLXD như sắt thép, nhựa đường, xi măng, xăng dầu... có sự biến động mạnh về giá, UBND tỉnh đã chỉ đạo đánh giá tác động của biến động giá VLXD, kịp thời triển khai các biện pháp khắc phục, tháo gỡ khó khăn trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng, thực hiện hợp đồng xây dựng; trong đó ban hành 10 số công bố giá vật liệu theo thời điểm biến động. Từ đó giúp các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan quản lý tốt chi phí đầu tư xây dựng công trình, tạo thuận lợi cho người dân, DN xác định chi phí đầu tư sát với thực tế, cũng như căn cứ thẩm định thiết kế - dự toán đúng quy định; thúc đẩy các hoạt động đầu tư xây dựng. GTSX toàn ngành tăng 7%, quy mô GTSX (*giá hiện hành*) đạt 48.025 tỷ đồng, bằng 98,1% kế hoạch.

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, song cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là giá phân bón tăng cao, tiêu thụ nông sản gặp nhiều rào cản. UBND tỉnh đã chỉ đạo tập trung thực hiện hiệu quả các đề án, dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với tăng cường phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; xây dựng

các phương án, kịch bản chỉ đạo sản xuất, tiêu thụ nông sản thích ứng linh hoạt. Do vậy, sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản duy trì tăng trưởng. GTSX toàn ngành cả năm tăng 2,1%, trong đó, nông nghiệp tăng 2%; lâm nghiệp tăng 0,2%, thủy sản tăng 5,6%. GTSX (*giá hiện hành*) đạt 37.682 tỷ đồng, đạt 96,1% kế hoạch. Tính đến hết năm 2022, toàn tỉnh có 205 sản phẩm OCOP, tăng 50 sản phẩm so với năm 2021, vượt 13,9% kế hoạch.

3.1. Nông nghiệp

Các loại cây trồng chủ lực tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất với quy mô lớn, có sự hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị; việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến như VietGAP, GlobalGAP, UDCNC,... được quan tâm và nhân rộng⁵. Diện tích gieo cấy lúa cả năm đạt 97.707 ha, tuy có giảm 2% so với năm 2021, song diện tích lúa chất lượng tăng 5,5%, đạt 45.010 ha. GTSX/1ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 135 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch. Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, hiệu quả kinh tế của việc trồng vải thiều được nâng lên đáng kể, dẫn đến diện tích trồng vải có xu hướng tăng; diện tích cây vải đạt 29.527 ha, tăng 4,2%, sản lượng đạt gần 200 nghìn tấn⁶.

Các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh được thực hiện kịp thời và hiệu quả. Chăn nuôi tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng giảm chăn nuôi nhỏ lẻ, tăng chăn nuôi tập trung quy mô trang trại và chăn nuôi theo chuỗi khép kín, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, công nghệ cao vào sản xuất, tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm⁷. Đến hết năm, đàn lợn trên địa bàn tỉnh đạt 910 nghìn con, tăng 1,1%, đàn gia cầm ổn định ở mức 20 triệu con. Sản lượng thịt hơi các loại đạt trên 250 nghìn tấn, tăng 5,6%, vượt 9,9% kế hoạch⁸.

3.2. Thủy sản và công tác thủy lợi, quản lý

Sản xuất thủy sản phát triển mở rộng theo hướng thâm canh ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa, nuôi an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Diện tích nuôi thủy sản được duy trì khoảng 12,25 nghìn ha. Sản lượng khai thác thủy sản cả năm đạt 52.240 tấn, tăng 4,0%, vượt 1,4% kế hoạch.

Công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi được chú trọng; thực hiện tốt việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng, khai thác và đảm bảo an toàn cho 1.300 công trình thủy lợi (*bao gồm: 274 hồ chứa; 203 đập dâng; 823 trạm bơm; 6.481 km kênh tưới; 1.443 km kênh tiêu*) đáp ứng yêu cầu sản xuất theo kế hoạch, đảm bảo tưới cho 155.202 ha. Công tác quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được tăng cường; kịp thời xử lý khắc phục sự cố và xử lý vi phạm⁹.

⁵ Nhiều mô hình cho hiệu quả kinh tế cao như: Mô hình sản xuất khoai tây tại xã Bảo Đài; Mô hình sản xuất khoai tây liên kết của HTX Quang Trung xã Thượng Lan... thu nhập 120 triệu đồng/ha; Mô hình sản xuất rau cần tại xã Hoàng Lương, Hoàng Thanh liên kết bao tiêu sản phẩm với các HTX: Lý Hùng, Dương Hào, Hoàng Hậu, Hoàng Lương thu nhập 490 triệu đồng/ha....

⁶ Vải sản xuất theo hướng VietGap diện tích đạt 15.400 ha, tăng 1,3% so cùng kỳ, bằng 100% kế hoạch; Vải GlobalGAP, vải cấp mã xuất sang thị trường Mỹ, Nhật, EU diện tích là 556 ha, tăng 7,0%, bằng 103,1% kế hoạch.

⁷ Toàn tỉnh hiện có 71 HTX chăn nuôi gia súc, gia cầm, trên 600 trang trại chăn nuôi; có 6 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận VietGAP, 102 cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh. Duy trì 09 chuỗi chăn nuôi lợn và chăn nuôi gia cầm gắn với giết mổ, chế biến.

⁸ sản phẩm chăn nuôi của Bắc Giang chủ yếu được xuất bán ra các tỉnh lân cận như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn.....chiếm tới 60%, còn lại 40% phục vụ cho tiêu thụ nội tỉnh.

⁹ Đã phát hiện và tiến hành lập biên bản vi phạm 20 trường hợp vi phạm Luật Đê điều (giảm 03 vụ so với cùng kỳ). Tổng số trường hợp vi phạm được xử lý từ 01/01/2022 đến nay là 112 trường hợp (giảm 112 vụ so với cùng kỳ).

3.3. Sản xuất lâm nghiệp

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm; các chỉ tiêu trồng và bảo vệ rừng đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Đến hết năm, toàn tỉnh trồng được 10 nghìn ha rừng tập trung, vượt 38,9% kế hoạch; Chương trình 01 tỷ cây xanh được tích cực triển khai, toàn tỉnh đã trồng được gần 7,1 triệu cây phân tán các loại, đạt 116,11% so với kế hoạch; tỷ lệ độ che phủ rừng của tỉnh đạt 38%; khai thác 1 triệu m³ gỗ các loại. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng được tăng cường; số vụ cháy rừng giảm so với cùng kỳ¹⁰.

4. Dịch vụ

Các hoạt động dịch vụ phục hồi và phát triển tích cực nhờ kiểm soát tốt dịch bệnh. GTSX toàn ngành tăng 9,1%; GTSX (*giá hiện hành*) đạt 47.525 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch.

4.1. Hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu

Tình hình chiến sự Nga - Ukraina đã tác động làm thiếu hụt nguồn cung, dẫn đến giá một số hàng hóa, dịch vụ vẫn ở mức cao như xăng dầu, gas, VLXD, thực phẩm, cước vận tải... UBND tỉnh đã chỉ đạo tập trung theo dõi diễn biến tình hình cung cầu, giá cả hàng hóa, biến động thị trường, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân, đặc biệt trong thời gian cao điểm mua sắm hoặc cung cầu thị trường có nhiều biến động. Các loại hàng hóa thiết yếu phục vụ sản xuất của DN, tiêu dùng của người dân được duy trì, cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu thị trường. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ có mức tăng khá; giá trị cả năm đạt 40.500 tỷ đồng, tăng 20,8% so với năm 2021, đạt 109,7% kế hoạch.

Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của các DN duy trì xu hướng tăng trưởng cao; tổng giá trị xuất, nhập khẩu cả năm khẩu đạt 22,6 tỷ USD, tăng 42,4%; nhập khẩu 21,1 tỷ USD, tăng 38,1%. Các đối tác thương mại lớn nhất của các DN trong tỉnh đến từ: Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ, Ấn Độ, Đài Loan, Mỹ, Nhật Bản, Tây Ban Nha. Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu: Hàng dệt may, da giày; máy tính, sản phẩm điện tử, điện thoại và linh kiện các loại; thiết bị điện; sản phẩm từ chất dẻo...

Hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư có nhiều đổi mới, cách làm sáng tạo. Nhiều đoàn DN lớn trong nước và nước ngoài đến tìm hiểu cơ hội hợp tác đầu tư, mở ra nhiều triển vọng phát triển trong thời gian tới. Một số hoạt động nổi bật đã được tổ chức thành công như: chuỗi các sự kiện xúc tiến tiêu thụ vải thiều và các nông sản chủ lực, đặc trưng của tỉnh Bắc Giang năm 2022 tại thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, EU, UAE, Úc...; tổ chức Hội nghị trực tuyến xúc tiến tiêu thụ vải thiều với gần 80 điểm cầu trong nước và quốc tế, kết nối trực

¹⁰ Đã xảy ra 03 vụ cháy rừng, giảm 8 vụ so với năm 2021; thiệt hại 1,3 ha, giảm 11,29 ha. Lực lượng chức năng đã kiểm tra, phát hiện lập biên bản 107 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp tăng 49 vụ so với năm 2021, khối lượng gỗ vi phạm 47,774 m³ tăng 31,189 m³. Riêng số vụ chặt phá rừng tự nhiên trái pháp luật xảy ra 53 vụ, tăng 41 vụ; diện tích bị phá 30,152 ha, tăng 18,126 ha. đã xử phạt vi phạm hành chính 99 vụ, tịch thu 44,405 m³ gỗ các loại, 42.379 kg lâm sản khác, 03 cá thể động vật hoang dã đê thả về môi trường tự nhiên theo quy định, 01 xe máy, 05 cửa xăng; thu nộp ngân sách Nhà nước được trên 2,35 tỷ đồng; 06 vụ án.

tuyến 7 quốc gia trên thế giới¹¹; Hội nghị xúc tiến tiêu thụ gà đồi, các sản phẩm nông, lâm nghiệp và các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp huyện Yên Thế... Tổng doanh thu từ Vải thiều và các dịch vụ phụ trợ đạt hơn 6.780 tỷ đồng. Đến nay đã có 10/205 sản phẩm OCOP đã được xuất khẩu và 56/205 sản phẩm OCOP vào được siêu thị hoặc các chuỗi cửa hàng tiện ích.

4.2. Dịch vụ tài chính, ngân hàng

Các ngân hàng, tổ chức tín dụng tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ DN, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhằm thúc đẩy phục hồi và phát triển KTXH. Tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, tích cực chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo định hướng phát triển kinh tế. Tăng cường chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt. Tăng trưởng tín dụng đạt kết quả khá đã hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng; đến 31/12/2022, tổng huy động vốn đạt 82.540 tỷ đồng, tăng 6.998 tỷ đồng, tăng 9,3% so với thời điểm 31/12/2021; dư nợ đạt 80.985 tỷ đồng, tăng 10.053 tỷ đồng, tăng 14,2%¹²; nợ xấu 607 tỷ đồng, chiếm 0,77% tổng dư nợ, giảm 0,15%.

Bên cạnh đó, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã triển khai hiệu quả các chính sách tín dụng ưu đãi tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ nhằm phục hồi, phát triển nhanh hoạt động sản xuất, đồng thời bảo đảm an sinh xã hội. Đến nay, 05/05 chương trình tín dụng ưu đãi đã được triển khai; kết quả có 8.128 lượt khách hàng đã được giải ngân với số tiền cho vay hơn 421 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

4.3. Dịch vụ giao thông vận tải và bưu chính, viễn thông

Hoạt động vận tải tăng trưởng mạnh mẽ cả về vận tải hành khách và hàng hóa. Trong đó, vận tải hành khách đạt 26 nghìn lượt khách vận chuyển; luân chuyển 1,1 triệu người.km. Vận tải hàng hóa đạt 38,4 nghìn tấn hàng hóa vận chuyển, khối lượng luân chuyển đạt 910 nghìn tấn.km.

Hạ tầng, mạng lưới bưu chính viễn thông phát triển theo hướng hiện đại; đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành trong việc phát triển KTXH, đảm bảo quốc phòng, an ninh và nhu cầu sử dụng của Nhân dân. Toàn tỉnh hiện có 130 Bưu cục cấp 1, 2, 3 và văn phòng đại diện; 182 điểm Bưu điện - Văn hóa xã. Có 1.545 vị trí lắp đặt trạm BTS; 1,85 triệu thuê bao điện thoại, tăng 2,8%; 1.720.887 thuê bao Internet (cố định, di động), tăng 1,2%. Tổng doanh thu viễn thông, Internet đạt 2.150 tỷ đồng, tăng 5,6%; nộp ngân sách trên 55 tỷ đồng, tăng 1,8%; Doanh thu bưu chính đạt 520 tỷ đồng, tăng 0,8%, nộp NSNN 13 tỷ đồng.

4.4. Dịch vụ du lịch

Các hoạt động du lịch đã từng bước phục hồi. UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị triển khai một số giải pháp kích cầu, phục hồi hoạt động du lịch; hoàn thiện

¹¹ Trong đó có 60 điểm cầu của các tỉnh, thành phố trong nước; 1 điểm cầu tại Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam; 6 điểm cầu tại tỉnh Quảng Tây, tỉnh Vân Nam, tỉnh Tứ Xuyên - Trung Quốc; 4 điểm cầu tại Nhật Bản; 1 điểm cầu tại Australia, 1 điểm cầu tại Singapore, 2 điểm cầu tại Thái Lan, 1 điểm cầu tại Dubai.

¹² Dư nợ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đạt 14.130 tỷ đồng, giảm 0,1%, ngành công nghiệp 14.750 tỷ đồng, tăng 22,1%, các DN ngành khác 52.105 tỷ đồng, tăng 16,6%.

“Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang ứng phó linh hoạt, thích ứng trạng thái bình thường mới đối với đại dịch COVID-19 giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2050”; xây dựng Đề án phục dựng “Con đường Hoàng Dương phạt pháp của các Phật tử Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử”...

Nhiều hoạt động phục vụ khách du lịch khi đến thăm quan, du lịch tại Bắc Giang, nhất là trong thời gian diễn ra môn Cầu lông SEA Games 31 đã mang lại ấn tượng tốt đối với khách trong nước và quốc tế¹³. Lượng khách du lịch cả năm đạt khoảng 1,35 triệu lượt khách, gấp 2,7 lần năm 2021, vượt 35% kế hoạch; công suất sử dụng phòng lưu trú đạt khoảng 75%. Một số điểm thu hút đông du khách như: chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà, khu di tích tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử, khu di tích chiến thắng Xương Giang, khu du lịch sinh thái Suối Mỡ...

5. Thu, chi ngân sách nhà nước

Công tác thu ngân sách được triển khai đồng bộ, quyết liệt; trọng tâm triển khai hiệu quả Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác quản lý thu, chi NSNN, chống thất thu; Đề án tăng thu NSNN; tăng cường thanh tra, kiểm tra và quản lý chặt chẽ một số khoản thu¹⁴; đẩy mạnh các biện pháp thu nợ thuế¹⁵; đồng thời thực hiện các biện pháp hỗ trợ DN, người nộp thuế (NNT) do ảnh hưởng của dịch bệnh¹⁶.

Tổng thu NSNN năm 2022 đạt 18.525,5 tỷ đồng, bằng 84,4% năm 2021, vượt 30% dự toán; trong đó, thu nội địa 16.669,7 tỷ đồng, vượt 32,8% dự toán; thu thuế xuất nhập khẩu 1.856 tỷ đồng, vượt 9,2% dự toán. Có 15/16 khoản thu nội địa đạt và vượt dự toán, trong đó có các khoản thu quan trọng như: Thu tiền sử dụng đất 9.568 tỷ đồng, vượt 36,1%, thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài 1.247 tỷ đồng, vượt 3,9%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 1.544 tỷ đồng, vượt 28,7%, thuế thu nhập cá nhân 1.269,4 tỷ đồng, vượt 47,6%. Thu ngân sách tại các địa phương đạt kết quả khá; 10/10 huyện, thành phố đều vượt dự toán năm¹⁷. Có 04 địa phương có đạt mức thu trên 1.000 tỷ đồng, gồm: Thành phố Bắc Giang đạt 3.258 tỷ đồng, Việt Yên 2.758 tỷ đồng, Lạng Giang 1.838 tỷ đồng và Yên Dũng 1.009 tỷ đồng.

Chi ngân sách địa phương đáp ứng các nhu cầu phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước, cũng như chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp thiết. Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách tiết kiệm, đúng định mức, chế độ; kỷ luật tài chính được tăng cường, hiệu quả sử dụng NSNN được nâng lên. Tổng chi ngân sách cả năm đạt

¹³ Cấp phát trên 5.000 tờ rơi, tập gấp, bản đồ du lịch, sách cẩm nang du lịch, Decal – QR Code giới thiệu về du lịch. Hoàn thành việc in 9.400 tờ rơi bản Decal mã QR song ngữ, nội dung tuyên truyền giới thiệu về văn hóa, con người và du lịch Bắc Giang.

¹⁴ Đến nay, đã thực hiện thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT được 495/617 DN đạt 80,2% kế hoạch, tăng 13,5% so với năm 2021; tổng số tiền thuế truy thu, truy hoàn, phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp là 141,5 tỷ đồng, bằng 98,4%; giảm khấu trừ 37,9 tỷ đồng; giảm lỗ 1.123,9 tỷ đồng; nộp ngân sách được 116,2 tỷ đồng, đạt 82,1% so với các Quyết định xử lý, bằng 98,4%.

¹⁵ Tổng số thuế nợ thu được ước đến 31/12/2022 là 3.546 tỷ đồng. Trong đó, thu nợ năm trước chuyển sang là 357,8 tỷ đồng, đạt 70,7% chỉ tiêu giao thu 80% (Số tiền giao 505,8 tỷ đồng); thu nợ phát sinh trong năm 2022 là 3.188,7 tỷ đồng.

¹⁶ Tính đến hết tháng 12/2022 đã thực hiện miễn giảm, gia hạn như sau: Gia hạn theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP: TNDN cho 681 NNT với số tiền 105,8 tỷ đồng; gia hạn thuế GTGT cho 573 NNT, số tiền 267 tỷ đồng. Giảm thuế GTGT theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP cho 4.265 NNT (3.617 DN và 648 cá nhân) số tiền trên 908 tỷ đồng. Giảm thuế trước bạ theo ND 103/2021/NĐ-CP số tiền giảm trên 114 tỷ đồng; Giảm phí, lệ phí theo Thông tư số 120/2021/TT-BTC cho 15 NNT với số tiền 1,8 tỷ đồng...

¹⁷ Nổi bật các huyện: Tân Yên vượt 224,4%, Yên Thế vượt 77,2%, Lạng Giang vượt 99,7%, Lục Ngạn vượt 31,7%...

38.495 tỷ đồng, tăng 36,1% so với năm 2021, đạt 182,2% dự toán năm. Trong đó: chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý đạt 18.396 tỷ đồng, tăng 79,1% so với cùng kỳ; chi thường xuyên 11.092 tỷ đồng, bằng 95,5% so cùng kỳ; chi ngân sách khác 9.006 tỷ đồng, tăng 51,4% so với cùng kỳ.

6. Đầu tư phát triển

Trong năm 2022, các hoạt động sản xuất kinh doanh duy trì đà phục hồi và phát triển mạnh mẽ, nhờ vậy đầu tư phát triển tăng trưởng mạnh. Tổng vốn đầu tư phát triển cả năm đạt 73.848 tỷ đồng, chiếm 47,4% GRDP, tăng 17,9%, vượt 2,6% kế hoạch¹⁸. Đầu tư từ khu vực dân cư và khu vực FDI chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh, song giảm khá mạnh so với năm 2021; tỷ trọng lần lượt chiếm 46%, giảm 1,4% và chiếm 21,1%, giảm 2,5%; trong khi đó vốn NSNN và đầu tư của các DN trong nước có xu hướng tăng, lần lượt chiếm 16%, tăng 2,1% và 16,8%, tăng 2,4%.

Vốn NSNN đầu tư cho phát triển tăng mạnh, tỷ trọng vốn đầu tư của khu vực này vươn lên vị trí thứ 2 trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, chiếm 24,7%, tăng 10,6% so với năm 2021; vốn đầu tư của các DN cũng tăng nhẹ từ 15,4%, tăng 1%. Trong khi đó, tỷ trọng đầu tư từ khu vực dân cư và vốn đầu tư nước ngoài giảm, lần lượt chiếm 42,8% (giảm 4,6%) và chiếm 17%, (giảm 6,7%).

6.1. Đầu tư công

Công tác quản lý kế hoạch vốn đầu tư công được thực hiện nghiêm túc, quyết liệt; hiệu quả đầu tư được nâng lên. Ngay từ những tháng đầu năm, UBND tỉnh đã quán triệt, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Trong đó, đã thành lập Tổ công tác liên ngành thúc đẩy giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nhằm tăng cường hỗ trợ giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án, đặc biệt là các dự án lớn, các dự án trọng điểm về hạ tầng khung giao thông mang tính kết nối liên vùng. Phân đấu giải ngân kế hoạch vốn đã giao năm 2022 đạt tỷ lệ cao nhất, góp phần phát huy hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư, tạo động lực lan tỏa, tạo ra năng lực sản xuất mới, thu hút đầu tư thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề an sinh, xã hội.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 do tỉnh quản lý năm 2022 là 12.491,3 tỷ đồng, trong đó: Vốn giao đầu năm 2022 là 9.289,7 tỷ đồng¹⁹; vốn NS tỉnh bổ sung trong năm là 257,2 tỷ đồng; vốn NSTW thực hiện 3 Chương trình MTQG là 485,2 tỷ đồng; vốn NSTW bổ sung từ Chương trình phục hồi là 770,1 tỷ đồng (gồm: Vốn NSTW trong nước 726,81 tỷ đồng; vốn ODA cấp phát 43,27 tỷ đồng); nguồn vượt thu tiền đất để lại cho các huyện bổ sung cho đầu tư 1.497,4 tỷ đồng; vốn năm 2021 chuyển nguồn sang thực hiện năm 2022 là 191,7 tỷ đồng. Giá trị

¹⁸ Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước 11.687 tỷ đồng, tăng 32,8%; vốn ODA 150 tỷ đồng, bằng 50,7%; khu vực DN 12.424 tỷ đồng, tăng 37,9%; khu vực FDI 15.611 tỷ đồng, tăng 5,3%; khu vực dân cư 33.976 tỷ đồng, tăng 14,5%.

¹⁹ HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 Bãi bỏ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 Về việc quyết định chủ trương phát hành trái phiếu chính quyền địa phương của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025, trong đó kế hoạch vốn giao năm 2022 là 300 tỷ đồng.

khối lượng thực hiện đến 31/12/2022 đạt 12.080 tỷ đồng, bằng 96,7% kế hoạch; giá trị giải ngân đến 31/01/2023 ước đạt 11.777 tỷ đồng, bằng 94,3% kế hoạch²⁰.

6.2. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị

6.2.1. Hạ tầng giao thông

Hạ tầng giao thông tiếp tục có sự chuyển biến rõ nét; nhiều trục giao thông quan trọng của tỉnh được đầu tư xây dựng đã phát huy hiệu quả, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân, thúc đẩy sự phát triển KT-XH tỉnh. Trong năm có 05 dự án giao thông trọng điểm đã được khởi công mới²¹; nâng tổng số dự án giao thông lớn đang triển khai lên 13 dự án. Một số công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng như: dự án đường gom bên trái tuyến QL1 đoạn từ nút giao QL31 đến nút giao Hùng Vương và cải tạo nút giao Hùng Vương, TP Bắc Giang...

6.2.2. Hạ tầng Khu, Cụm công nghiệp, thương mại

Phát triển hạ tầng các KCN, CCN được đặc biệt quan tâm. Đến nay đã cơ bản hoàn thành hồ sơ quy hoạch đối với 15 KCN trong danh mục ưu tiên thực hiện giai đoạn 2022-2025. Hoàn thành phê duyệt chủ trương đầu tư thêm 02 KCN mới (*KCN Tân Hưng 105,3ha, KCN Yên Lư 377ha*) và 02 KCN mở rộng (*KCN Hòa Phú mở rộng 85ha, KCN Quang Châu mở rộng 90ha*); hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư thêm 03 KCN mới (*KCN Yên Sơn - Bắc Lũng (300ha), KCN Đồng Phúc, KCN Phúc Sơn*); 01 KCN mở rộng (*KCN Việt Hàn mở rộng 148ha*); sáp nhập 02 CCN vào KCN (*CCN Tăng Tiến diện tích 37ha vào KCN Vân Trung; CCN Tân Hưng diện tích 49,7ha vào KCN Tân Hưng*).

Tập trung cao công tác bồi thường, GPMB các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng KCN đã được chấp thuận chủ trương đầu tư²². Đặc biệt đã hoàn thành GPMB thêm được 212,2 ha, vượt 6,1% kế hoạch. Đồng thời chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đối với phần diện tích đã được bàn giao mặt bằng. Đến nay, có 04 KCN đã đạt tỷ lệ lấp đầy 100% là: Đình Trám, Quang Châu, Song Khê - Nội Hoàng, Vân Trung; 02 KCN đang xây dựng hạ tầng bao gồm: KCN Hòa Phú tỷ lệ lấp đầy đạt khoảng 85%, KCN Việt Hàn tỷ lệ lấp đầy đạt khoảng 57%.

Trong năm, UBND tỉnh đã thành lập CCN Đông Sơn và CCN Tân Sỏi (*huyện Yên Thế*), CCN Ngọc Vân (*huyện Tân Yên*), CCN Nénh (*huyện Việt Yên*). Toàn tỉnh hiện có 31/47 CCN có chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng là DN. Kết cấu hạ tầng thương mại được hoàn thiện, nhiều chợ được đầu tư nâng cấp mở rộng, các trung tâm thương mại, siêu thị lớn đã và đang từng bước được đầu tư đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và tiêu dùng trong nhân dân theo hướng văn minh, hiện đại và bền vững.

²⁰ Kế hoạch vốn đầu tư công do tỉnh quản lý không bao gồm nguồn vượt thu tiền đất để lại các huyện bổ sung cho đầu tư là 10.994 tỷ đồng; Giá trị khối lượng thực hiện đạt 10.691 tỷ đồng (bằng 97,2%); giá trị giải ngân đạt 10.524 tỷ đồng (bằng 95,7%).

²¹ Bao gồm: Dự án Xây dựng cầu Như Nguyệt; Dự án Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu; Dự án Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An – QL31 – QL1 và tuyến nhánh hồ Suối Nứa – Khuôn Thân; Dự án Nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn và Dự án Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT.293 đến QL17.

²² Tiến độ GPMB các KCN đến nay: KCN Vân Trung (Fugiang): Đã GPMB 236,68/237,01ha, đạt 99,86%; KCN Việt Hàn (50ha): Đã GPMB 48,6ha/50ha đạt 97%; KCN Quang Châu: Đã GPMB 423,5ha/426ha, đạt 99%; KCN Hòa Phú: Đã GPMB 201,2/207,45ha, đạt 97%; KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam): Đã GPMB 42,4/44,9ha, đạt 94,44%; KCN Tân Hưng: Đã GPMB 105,2ha/105,3ha, đạt 99,9%; KCN Yên Lư: Đã GPMB 47/377ha, đạt 12,4%; KCN Hòa Phú (mở rộng): Đang thực hiện kiểm kê được khoảng 378/939 hộ tương ứng khoảng 29,7/73,6ha, thông báo thu hồi đất tại 01 thôn được 209 hộ tương ứng 10,8ha.

6.2.3. Phát triển đô thị

Công tác quản lý, phát triển đô thị được chú trọng. UBND tỉnh đã chỉ đạo nghiên cứu đề xuất Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị giai đoạn 2022-2025; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 05/4/2022 thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; UBND tỉnh đã phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh đến năm 2030...

Công tác quy hoạch quản lý kiến trúc được tăng cường; 100% các đồ án quy hoạch xây dựng được công khai. Tỉnh đã chủ trương tiếp nhận kinh phí từ nguồn xã hội hóa 31 đồ án lập quy hoạch chi tiết; chỉ đạo thẩm định 65 nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng; 55 đồ án quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết; 06 đồ án Quy hoạch chung và điều chỉnh quy hoạch chung; 03 đồ án quy hoạch phân khu.

Đô thị tiếp tục phát triển; toàn tỉnh hiện có 138 dự án khu đô thị, khu dân cư mới đã được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư và phê duyệt kết quả lựa chọn chủ đầu tư²³; trong đó có 17 dự án đã hoàn thành; 12 dự án cơ bản hoàn thành; 26 dự án đang thi công xây dựng; 20 dự án đang thực hiện giải phóng mặt bằng; 63 dự án đang hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi để trình thẩm định theo quy định. Tỷ lệ dân số đô thị đạt 23,3%, vượt 0,3% kế hoạch. Bên cạnh đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành chỉ thị tăng cường công tác quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng tại các khu vực quy hoạch dự án phát triển; qua đó, kịp thời chấn chỉnh, bình ổn thị trường bất động sản trên địa bàn.

6.2.4. Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn có nhiều thay đổi theo hướng ngày càng hoàn thiện, hiện đại. Nhiều công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả như: Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Cẩm; Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Tân Tiến; Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Trúc Núi; Xây dựng mới trạm bơm công Rút; Tu bổ chống sạt lở đê điều hệ thống đê cấp III trên địa bàn huyện Tân Yên; Cải tạo, nâng cấp công Đại La; Cải tạo, nâng cấp công Yên Ninh; Xử lý cấp bách công Trạng, công Chỗ, công De, công Xuân Thành; Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Khám Lạng.

Phong trào nông thôn mới (NTM) được đẩy mạnh; có sự kết hợp hài hòa, hợp lý nguồn vốn NSNN với nguồn xã hội hóa. Cơ sở hạ tầng, cảnh quan, môi trường đặc biệt là chất lượng sống của người dân khu vực nông thôn được cải thiện đáng kể. Trong năm, huyện Hiệp Hòa đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM, nâng tổng số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ NTM lên 06 đơn vị. Đến hết năm 2022 có thêm 09 xã đạt chuẩn NTM, lũy kế toàn tỉnh có 145/182 xã, chiếm 79,7%, cao hơn bình quân cả nước (cả nước là 73%); thêm 18 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao, lũy kế toàn tỉnh có 41 xã, có 01 xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu, đạt 100%. Có thêm 94 thôn đạt thôn NTM kiểu mẫu, lũy

²³ Riêng năm 2022, UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư 4 dự án, tổng diện tích 123,84 ha, tổng vốn đầu tư 9.948 tỷ đồng; đã tổ chức đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư được 73 dự án, gấp 5,6 lần năm 2021 (trong đó có 03 dự án đấu giá) với tổng diện tích đất thực hiện dự án là 1.253,8ha, gấp 9 lần; tổng vốn đầu tư 28.797 tỷ đồng, gấp 11 lần.

kế toàn tỉnh có 239 thôn NTM kiểu mẫu. Tiêu chí bình quân toàn tỉnh đạt 17,1 tiêu chí/xã, tăng 0,3 tiêu chí so với năm 2021.

6.2.5. Hạ tầng số; chuyển đổi số

Công tác phát triển hạ tầng số gắn với chuyển đổi số được chú trọng. Trung tâm tích hợp dữ liệu (THDL) tỉnh được duy trì thực hiện hiệu quả đã tăng cường quản trị, vận hành và hỗ trợ các đơn vị khai thác sử dụng cho các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh. Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh được quan tâm đầu tư nhằm cung cấp cơ sở dữ liệu, thông tin tổng hợp chung và chi tiết về lĩnh vực chuyên môn của các sở, ban ngành và UBND các huyện thành phố và các đơn vị. Triển khai đường truyền chuyên dùng kết nối từ Trung tâm THDL tỉnh đến các sở, ngành, 10 huyện, thành phố, 209 xã, phường, thị trấn và 10 văn phòng quản lý đất đai cấp huyện. Hệ thống Hội nghị họp trực tuyến đã triển khai từ tỉnh đến 10 huyện, thành phố và 100% xã, phường, thị trấn, 21 điểm cầu của ngành giáo dục và 13 điểm cầu của ngành y tế.

Hoàn thành chính thức kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang. Tập trung xây dựng vận hành, khai thác giai đoạn 1 hệ thống camera giám sát an ninh theo Đề án 257 phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự. Đến nay đã lắp đặt, kết nối 789 camera trên phạm vi toàn tỉnh, 10/10 Trung tâm giám sát cấp huyện với Trung tâm lưu trữ, xử lý dữ liệu của tỉnh²⁴.

6.2.6. Hạ tầng xã hội

Hệ thống trường lớp được đầu tư theo hướng chuẩn hóa; đến hết năm, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 94,5%, tăng 0,6%; Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 đạt 20,4%, vượt 1,3% kế hoạch; tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học đạt 96%, bằng 100% kế hoạch. Hạ tầng văn hóa, thể thao cũng được quan tâm đầu tư, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân. Tỷ lệ các xã có đầy đủ thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, xã đạt 86,5%, bằng 100% kế hoạch. Hệ thống y tế được tăng cường, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phòng chống dịch bệnh và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân.

Một số dự án hạ tầng xã hội đã hoàn thành đưa vào sử dụng như: Dự án Đầu tư cơ sở vật chất các Trường THPT Lục Ngạn 2, THPT Lục Ngạn 4 và Trung tâm GDNN-GDTX Lục Ngạn; Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Ung bướu; các dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh của Trung tâm Y tế các huyện: Tân Yên, Hiệp Hòa, Lạng Giang và Bệnh viện Phục hồi chức năng... Trong năm đã tiến hành khởi công mới các dự án: Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế các huyện Yên Thế, Lục Nam; Dự án Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, trường PTDT nội trú huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng.

6.3. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

6.3.1. Môi trường đầu tư, kinh doanh

²⁴ Qua khai thác hình ảnh hệ thống camera bước đầu đã hỗ trợ lực lượng Công an điều tra, giải quyết 52 vụ việc, trong đó 31 vụ trộm cắp tài sản, 04 vụ tai nạn giao thông, 05 vụ cướp tài sản, 05 vụ cố ý gây thương tích, 02 vụ gây rối trật tự công cộng tại huyện Tân Yên, 01 vụ giết người, 03 vụ cướp giật tài sản

Công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được quan tâm tích cực chỉ đạo. Trọng tâm triển khai hiệu quả Nghị quyết số 105-NQ/TU ngày 28/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tổ chức Hội nghị “Phân tích chỉ số PCI năm 2021 và giải pháp nâng cao chỉ số PCI năm 2022 tỉnh Bắc Giang”²⁵; ban hành quy định suất đầu tư và số lao động sử dụng đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động xúc tiến đầu tư có nhiều đổi mới, xác định trọng tâm, trọng điểm vào các khu vực, đối tác lớn. Trong đó, đã tổ chức “Hội nghị gặp mặt các tổ chức, DN, doanh nhân Hàn Quốc”; đồng thời, thành lập Tổ xúc tiến và hỗ trợ đầu tư Hàn Quốc (Korea Desk) nhằm thu hút và đẩy nhanh các hoạt động đầu tư của Hàn Quốc...

6.3.2. Kết quả thu hút đầu tư

Thu hút đầu tư đạt kết quả khá tích cực; trong đó nổi bật là thu hút các dự án trong nước và các dự án FDI điều chỉnh tăng vốn. Tính đến 31/12/2022, toàn tỉnh đã thu hút được gần 1,7 tỷ USD vốn đầu tư quy đổi, tăng 6,5% so với cùng kỳ. Trong đó, cấp mới 28 dự án trong nước, vốn đăng ký 6.805,5 tỷ đồng, tăng 16,5%; 38 dự án FDI, vốn đăng ký 581,49 triệu USD, bằng 90% so với cùng kỳ; điều chỉnh 13 dự án trong nước, vốn đăng ký tăng thêm 548,8 tỷ đồng, gấp 2,5 lần năm 2021; điều chỉnh 48 dự án FDI với tổng vốn tăng thêm 879,15 triệu USD, gấp 1,27 lần so với năm 2021, có 30 nhà đầu tư nước ngoài đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của các tổ chức kinh tế với số vốn đăng ký đạt 97,5 triệu USD²⁶. Vốn thực hiện của các dự án đầu tư trong nước đạt khoảng 4.500 tỷ đồng; các dự án FDI đạt khoảng trên 750 triệu USD.

Tính riêng thu hút đầu tư FDI, Bắc Giang xếp thứ 9 cả nước, sau các địa phương là Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Thái Nguyên, Đồng Nai. Tính đến nay, có 27 quốc gia và lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; trong đó, Trung Quốc là nước đầu tư lớn nhất vào tỉnh với trên 170 dự án, tổng số vốn khoảng 3,41 tỷ USD; kế đến là Hàn Quốc với trên 300 dự án và số vốn đăng ký đạt khoảng 2,1 tỷ USD.

6.3.3. Phát triển doanh nghiệp

UBND tỉnh luôn đồng hành cùng DN trong quá trình sản xuất kinh doanh; nhiều giải pháp được thực hiện như: tổ chức Hội nghị “Tiếp xúc, đối thoại với các DN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”; duy trì gặp mặt cả phê doanh nhân; đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ DN, khởi sự với trọng tâm là triển khai mô hình “5 tại chỗ” trong giải quyết TTHC, hỗ trợ chuyển đổi số cho DN; tư vấn các hồ sơ, thủ tục gắn với thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4...

Từ đầu năm, toàn tỉnh có 1.684 DN và 154 chi nhánh, văn phòng đại diện thành lập mới, tăng 18% so với năm 2021; tổng vốn đăng ký 29.679 tỷ đồng, tăng 6% (*vốn đăng ký bình quân một DN thành lập mới đạt 17 tỷ đồng*). Theo khu vực kinh tế, có 21 DN thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 1%; 1090 DN thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, chiếm 65%, 573 DN thuộc khu vực dịch vụ chiếm 34%. Trong năm cũng đã có 492 DN quay trở

²⁵ Theo Báo cáo PCI 2021, Chỉ số PCI của Bắc Giang đạt 64,74 điểm, tăng 0,76 điểm so với năm 2020 (63,98 điểm); xếp hạng 31/63 tỉnh thành, giảm 04 bậc so với năm 2020 (xếp hạng 27/63 tỉnh, thành).

²⁶ Lưu ý kể đến nay, toàn tỉnh có 1.356 dự án đầu tư trong nước, vốn đăng ký 101.230 tỷ đồng; 483 dự án FDI, vốn đăng ký 8,17 tỷ USD

lại hoạt động, tăng 14%. Tuy nhiên, có 142 DN giải thể, 643 DN đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 10% so với năm 2021. Hiện có khoảng 60% số DN hoạt động trên tổng số DN đăng ký²⁷. Trong đó, có khoảng trên 42% DN hoạt động có hiệu quả, 40% DN hoạt động cầm chừng, 18% DN mới đăng ký, đang trong quá trình chuẩn bị các thủ tục gia nhập thị trường (*số DN đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh đứng thứ 23 cả nước*).

7. Công tác quản lý tài nguyên và môi trường

Công tác quản lý đất đai tiếp tục được tăng cường. Việc thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 và Kết luận số 120-KL/TU ngày 08/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kiểm tra, thanh tra để xử lý các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai đã được nỗ lực triển khai, đạt một số kết quả tích cực. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của cán bộ, đảng viên và Nhân dân được nâng lên; việc xử lý các vi phạm đã được quan tâm, thực hiện sâu sát, đạt nhiều kết quả cụ thể, đáng khích lệ; các hành vi vi phạm đã được phát hiện và xử lý kịp thời; vi phạm mới phát sinh đã giảm đáng kể so với trước đây²⁸.

UBND tỉnh đã chỉ đạo tập trung hoàn thiện Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và xây dựng Kế hoạch sử dụng đất của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020, kết quả thực hiện việc điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất KCN và đất ở tại đô thị; đề xuất nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030 tỉnh Bắc Giang. Quan tâm nâng cao công tác đo đạc bản đồ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy định. Tăng cường tháo gỡ khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn; điển hình là các huyện: Lạng Giang, Yên Dũng, Việt Yên, Hiệp Hòa và thành phố Bắc Giang.

Công tác huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường theo Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được tập trung chỉ đạo, đạt kết quả khá tích cực. Nhìn chung ý thức, trách nhiệm các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trong việc thu gom, xử lý rác thải, phân loại rác có chuyển biến²⁹. Tỷ lệ rác thải thu gom được xử lý toàn tỉnh duy trì đạt 93,1%, tương đương khoảng 805,3 tấn/ngày (*trong đó, tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh đạt 81,2%, bằng 100% kế hoạch*). Việc triển khai xây dựng các nhà máy xử lý rác thải và lắp đặt các lò đốt rác theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh được tập trung chỉ đạo; đến nay, các huyện đã lắp đặt tổng số 27/30 lò đốt rác, trong đó có 26/27 lò đã vận hành chạy thử, đi vào hoạt động.

Công tác quản lý khoáng sản, tài nguyên nước cũng được chú trọng. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công

²⁷ Lũy kế đến nay, tổng số DN đăng ký 13.537 DN, 1.509 Chi nhánh, văn phòng đại diện.

²⁸ Đến nay các địa phương đã tổ chức lập biên bản VPHC 3.790 trường hợp (bằng 22,1% tổng số trường hợp vi phạm); trong đó, đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm 2.793/3.790 trường hợp (bằng 74% tổng số trường hợp lập biên bản), với tổng số tiền xử phạt là 6,3 tỷ đồng, đã thực hiện nộp phạt 4,0 tỷ đồng (chủ yếu ở các huyện: Lạng Giang, Tân Yên, Việt Yên, Lục Ngạn, Sơn Động); đã ban hành quyết định buộc khắc phục hậu quả 2.342 trường hợp; đã khắc phục hậu quả, tháo dỡ trả lại mặt bằng 1.123 trường hợp; chưa thực hiện 2.861 trường hợp.

²⁹ Toàn tỉnh duy trì 171 công ty, hợp tác xã, tổ vệ sinh môi trường chuyên trách thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải cho 100% xã, phường, thị trấn; 100% xã, phường, thị trấn duy trì các khu thu gom, xử lý rác thải tập trung, vận hành tổng số 77 lò đốt công nghệ.

nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; hoàn thiện Đề án quản lý, bảo vệ khoáng sản giai đoạn 2021-2025. Triển khai xây dựng quy định phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh. Tiếp nhận, quản lý, vận hành hệ thống tiếp nhận dữ liệu quan trắc môi trường tự động.

II. LĨNH VỰC VĂN HOÁ - XÃ HỘI

1. Công tác phòng chống dịch bệnh; chăm sóc sức khỏe Nhân dân

UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 với mục tiêu “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ. Tình hình dịch COVID-19 trên địa bàn toàn tỉnh được duy trì kiểm soát tốt³⁰. Công tác triển khai tiêm phòng vắc xin COVID-19 được thực hiện bài bản đạt kết quả rất tích cực. Đến nay, tỉnh Bắc Giang đã hoàn thành mục tiêu tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời luôn nằm trong nhóm các tỉnh, thành có tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đạt cao nhất trong toàn quốc. Tính đến hết ngày 30/12/2022, toàn tỉnh đã tiêm được trên 5,636 triệu liều vắc xin. Tỷ lệ người từ 18 tuổi trở lên tiêm mũi 3 đạt 100%; mũi 4 đạt 99,9%; Trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi mũi 1 đạt 100%; mũi 2 đạt 99,9%; mũi 3 đạt 99,3%; trẻ em từ 05 - 12 tuổi mũi 1, mũi 2 đạt 99,9%.

Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho ngành y tế, nhất là phát triển hệ thống các bệnh viện tuyến tỉnh và Trung tâm Y tế các huyện, thành phố³¹. Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nhân lực y tế; tính đến hết năm 2022, số bác sĩ/10.000 dân đạt 11,0 bác sĩ (*cả nước 10 bác sĩ*); số dược sĩ đại học/10.000 dân đạt 1,7 dược sĩ; tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ đạt 100%. Tập trung chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của ngành y tế nhất là trong quá trình đấu thầu, mua sắm trang thiết bị, vật tư, hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán invitro phục vụ công tác chuyên môn của các cơ sở y tế.

Công tác phát triển kỹ thuật mới được các cơ sở khám chữa bệnh trong toàn tỉnh triển khai thực hiện, đặc biệt là những kỹ thuật cao, hiện đại. Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được cải thiện ở tất cả các tuyến. Số giường bệnh/vạn dân đạt 31,8 giường (*cả nước 30,5 giường*). Công suất sử dụng giường bệnh trung bình toàn tỉnh là 97,5%, tăng 34,1% so với năm 2021. Công tác phòng, chống dịch bệnh khác và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường, có chuyển biến tích cực³²; trong năm trên địa bàn tỉnh không xảy ra ngộ độc thực phẩm lớn.

2. Giáo dục và đào tạo

Các hoạt động giáo dục được triển khai chủ động, linh hoạt, phù hợp với thực tiễn; Bắc Giang là địa phương đi đầu trong cả nước về chỉ đạo các cơ sở giáo

³⁰ Năm 2022, tỉnh Bắc Giang đã ghi nhận 380.875 trường hợp mắc COVID-19, trong đó tử vong 76 trường hợp. Tỷ lệ mắc chiếm 20,1% dân số toàn tỉnh, tỷ suất tử vong 0,20%.

³¹ UBND tỉnh đã thành lập Trung tâm Y tế các KCN trực thuộc Sở Y tế; chỉ đạo triển khai xây dựng Đề án thành lập Trung tâm Bệnh nhiệt đới thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Đề án tổ chức lại Khoa Xét nghiệm - Giải phẫu bệnh thuộc Bệnh viện Ung bướu; Đề án thành lập Khoa Truyền nhiễm và Khoa Nội tổng hợp trên cơ sở tách ra từ Khoa Nội - Truyền nhiễm, Khoa Ngoại và Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức trên cơ sở tách ra từ khoa Ngoại tổng hợp thuộc Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa...

³² Trong năm 2022, ngành y tế đã tiến hành thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm 2.092 cơ sở thực phẩm (đạt 107,4% kế hoạch), tỷ lệ cơ sở đạt yêu cầu về ATTP là 87,3%. Phát hiện 264 cơ sở có vi phạm về ATTP, xử phạt 50 cơ sở với số tiền 199,22 triệu đồng.

đục thực hiện hiệu quả các hình thức dạy học trực tiếp, trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến, đảm bảo cho hoạt động tổ chức dạy học không bị gián đoạn³³. Cùng với đó, tỉnh đã ban hành và đưa vào thực hiện một số chính sách phát triển giáo dục quan trọng³⁴. Tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh và khai giảng năm học mới 2022 – 2023. Chất lượng giáo dục mũi nhọn và toàn diện được nâng lên. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT đạt 99,42 %, đứng thứ 11/63 tỉnh, thành phố về điểm trung bình các môn. Đặc biệt kết quả thi học sinh giỏi quốc gia năm học 2021-2022 có sự nâng lên cả về số lượng và chất lượng với 66 giải, cao nhất từ khi tái thành lập tỉnh; xếp thứ 8 toàn quốc về số lượng giải³⁵.

Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm. Tập trung rà soát, sắp xếp đội ngũ đảm bảo đủ tỷ lệ và cân đối về cơ cấu bộ môn. Chất lượng đội ngũ không ngừng được tăng lên, cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo chiếm tỷ lệ cao³⁶. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục được tăng cường đầu tư; tập trung rà soát, nghiên cứu phương án triển khai mở rộng, tăng quy mô trường, lớp các trường THPT; chú trọng xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học; sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

3. Công tác văn hóa, thể thao

Công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể luôn được quan tâm, góp phần bảo vệ, lưu giữ các giá trị văn hóa của tỉnh. UBND tỉnh quyết định xếp hạng cấp tỉnh cho 04 di tích; hỗ trợ tu bổ 22 di tích. Tổ chức Lễ Thượng lương nhà Tổ chùa Hạ, Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử; Lễ đón nhận Bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt ATK II Hiệp Hòa; phối hợp với Quảng Ninh, Hải Dương xây dựng hồ sơ khoa học Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử trình UNESCO công nhận là di sản thế giới.

Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm được tổ chức đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đạt kết quả tích cực; Quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và một số lễ nghi, sinh hoạt cộng đồng khác được thực hiện tốt³⁷. Các chỉ tiêu về văn hóa đều đạt kế hoạch đề ra; tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 92,6%, vượt 0,6% kế hoạch; tỷ lệ làng, bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá đạt 81%, đạt 100% kế hoạch.

³³ Chương trình “Sống và máy tính cho em” được thực hiện hiệu quả; đã vận động được gần 1,5 tỷ đồng và 1.141 thiết bị (bao gồm 743 điện thoại thông minh, 153 máy tính bảng, 130 máy tính xách tay 115 máy tính bàn), đã tổ chức trao tặng kịp thời cho HS.

³⁴ Quy định nội dung, mức chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; quy định mức thu học phí, mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2022-2023 tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập; học bổng khuyến khích học tập của Trường THPT Chuyên Bắc Giang; ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cấp địa phương thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo...

³⁵ Một số môn học có truyền thống vẫn duy trì vững chắc như Hóa học, Lịch sử, Ngữ văn, Địa lí. Đặc biệt, đội tuyển Toán đã có sự bứt phá thành công với 6/6 học sinh đoạt giải trong đó có 04 giải Nhì, 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích; lần đầu tiên từ khi thành lập lớp chuyên tiếng Trung, qua 10 kỳ thi HSG quốc gia, Bắc Giang có học sinh xuất sắc giành giải Nhất.

³⁶ Tỷ lệ giáo viên THPT có trình độ thạc sĩ đạt 21%; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn bậc tiểu học đạt 58,8%, bậc THCS 80,1%, THPT 100%.

³⁷ Năm 2022, toàn tỉnh có trên 13.500 đám cưới, cơ bản các đám cưới tổ chức gọn, nhẹ hoặc báo hỷ (tỷ lệ báo hỷ, tiệc ngọt chiếm 19,2%); có 7.354 đám tang, trong đó có 2.557 đám tang thực hiện hỏa táng (chiếm tỷ lệ 34,7%, tăng 3,1% so với năm 2021), cơ bản các đám tang thực hiện nếp sống văn minh.

Các hoạt động thể dục, thể thao đạt nhiều kết quả tích cực³⁸. Đã đăng cai tổ chức thành công 07 giải vô địch Quốc gia năm 2022 tại tỉnh; chỉ đạo tổ chức Đại hội thể dục thể thao (TDTT) tỉnh, 17/21 giải thể thao cấp tỉnh, trên 130 giải TDTT cấp huyện, thành phố, ngành và khoảng 1.850 giải thể thao phường, xã, thị trấn. Phong trào TDTT quần chúng được duy trì, có khoảng 36% số người tập TDTT thường xuyên; khoảng 55.600 gia đình thể thao; 2.705 CLB thể thao. Đặc biệt đã chỉ đạo tổ chức thành công môn Cầu lông SEA Games 31 tại Bắc Giang. Bên cạnh đó, các vận động viên Bắc Giang đã đóng góp vào thành tích chung của đoàn thể thao Việt Nam với tổng số 08 huy chương các loại, trong đó có 05 huy chương vàng, 01 huy chương bạc, 02 huy chương đồng³⁹. Tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022, Đoàn thể thao Bắc Giang giành 44 huy chương các loại (14 HCV, 11 HCB, 19 HCD), tăng 23 huy chương so với kỳ Đại hội Thể thao toàn quốc năm 2018, xếp thứ 17/65 tỉnh, thành, ngành tham dự Đại hội.

4. Công tác thông tin truyền thông

Thông tin, truyền thông có nhiều đổi mới; đấu tranh ngăn chặn, phản bác kịp thời thông tin giả, xấu, độc. Các cơ quan báo chí đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, phản ánh các thành tựu nổi bật phát triển KTXH năm 2021 và triển khai nhiệm vụ năm 2022; thông tin về SEA Games 31, đặc biệt là môn Cầu lông tổ chức trên địa bàn tỉnh. Thông tin kịp thời, khách quan tình hình thời sự, các sự kiện chính trị của đất nước và của tỉnh, diễn biến dịch COVID-19, kết quả thu hút đầu tư, phát triển KTXH, cải cách hành chính của tỉnh.

UBND tỉnh đã chủ động phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội và đạt được nhiều kết quả tích cực; đồng thời góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển KTXH, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh. Phong trào thi đua yêu nước đã chuyển biến tích cực và đi vào chiều sâu, công tác tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các điển hình tiên tiến ngày càng được quan tâm đã tạo ra không khí phấn khởi, hăng hái thi đua trên tất cả các lĩnh vực. Kịp thời tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến. Trong đó đã tổ chức Lễ tôn vinh danh hiệu “Công dân ưu tú năm 2022, DN, doanh nhân tiêu biểu tỉnh Bắc Giang lần thứ VI” cho 10 Công dân ưu tú, 16 DN và 09 doanh nhân tiêu biểu.

5. Tình hình đời sống Nhân dân, lao động, việc làm

Công tác an sinh xã hội được triển khai thiết thực, kịp thời, hiệu quả; tỉnh đã hoàn thành phê duyệt và cấp kinh phí hỗ trợ cho 696 lượt DN, 201.797 lượt người lao động với số tiền trên 109 tỷ đồng. Các hoạt động kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ được tổ chức chu đáo, trang trọng, ý nghĩa⁴⁰. Các chính sách dân tộc, tôn giáo, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ trẻ em, vì sự tiến bộ của phụ nữ, bình đẳng giới được quan tâm chỉ đạo. Giảm nghèo bền vững được chú trọng; tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh (theo chuẩn mới 2021-2025) giảm 1,5% xuống còn

³⁸ Các đội tuyển thể thao của tỉnh tập luyện, tham gia thi đấu 42 giải quốc gia và khu vực, kết quả giành được 228 huy chương các loại (51 HCV, 53 HCB, 124 HCD), có 35 lượt VĐV đạt kiện tướng, 70 VĐV đạt cấp 1 quốc gia.

³⁹ Đặc biệt, vận động viên Điền kinh Nguyễn Thị Oanh giành được 03 HCV, phá 01 kỷ lục SEA Games và là 01 trong 04 vận động viên xuất sắc nhất SEA Games 31. m

⁴⁰ Toàn tỉnh đã cấp 79.109 suất quà theo quy định với tổng kinh phí trên 22,3 tỷ đồng.

3,81%; trong đó tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn giảm 4%, xuống còn 27%.

Công tác quản lý nhà nước về lao động và giải quyết việc làm được tập trung chỉ đạo. UBND tỉnh đã tổ chức thành công Chương trình Thủ tướng Chính phủ gặp gỡ, đối thoại với công nhân lao động năm 2022 với điểm cầu chính tại Bắc Giang⁴¹. Chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động cũng được triển khai tích cực, hỗ trợ người công nhân an tâm sản xuất. Năm 2022, toàn tỉnh tạo việc làm mới cho 33.600 lao động, vượt 5% kế hoạch; trong đó, xuất khẩu lao động là 1.500 người, vượt 25,3% kế hoạch. Toàn tỉnh hiện có hơn 965 nghìn lao động đang làm việc trong nền kinh tế (*đứng thứ 11 cả nước*); cơ cấu lao động tiếp tục chuyển đúng định hướng⁴².

Công tác dạy nghề được quan tâm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thị trường lao động. Thực hiện rà soát, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn nhằm nâng cao chất lượng; tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên toàn tỉnh là 36 cơ sở, giảm 03 cơ sở so với năm 2021⁴³. Các cơ sở đã tuyển sinh được 28.700 người, đạt 100% kế hoạch. Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động đạt 74%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo đạt 32%, vượt 9,5% kế hoạch (*cả nước đạt 27%*).

Công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) đạt kết quả tích cực. Các cơ quan chức năng cũng đã chủ động tháo gỡ khó khăn cho DN do tác động của dịch COVID-19; giải quyết chế độ BHXH, BHYT được thực hiện kịp thời, đúng quy định đảm bảo quyền lợi của người lao động⁴⁴. Tính đến 31/12/2022, tỷ lệ người dân có thẻ BHYT đạt trên 99,2%, đạt 100% kế hoạch (*cả nước 92%*); số người tham gia BHXH bắt buộc (lũy kế) đạt trên 344,6 nghìn người, đạt 100% kế hoạch; số người tham gia BHXH tự nguyện đạt 41 nghìn người, tăng 10.715 người, đạt 102,5% kế hoạch; tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đạt 40,1%, vượt 2,1% kế hoạch.

6. Khoa học và công nghệ

Lĩnh vực khoa học và công nghệ được quan tâm. Tập trung triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nhiều đề án, kế hoạch được ban hành như: Kế hoạch về Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu - ứng dụng công nghệ sinh học, giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng của tỉnh trong thực thi, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Chỉ thị nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Công tác quản lý các đề tài, dự án cấp tỉnh và cấp quốc gia được thực hiện ngày càng chặt chẽ và đi vào nề nếp⁴⁵. Các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng,

⁴¹ Sáng 12/6/2022, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính gặp gỡ, đối thoại với công nhân, với chủ đề “Công nhân Việt Nam với khát vọng phát triển đất nước”; có 4.500 công nhân lao động tại điểm cầu chính tỉnh và 63 điểm cầu các tỉnh, thành phố.

⁴² Lao động trong ngành công nghiệp xây dựng chiếm 44%, tăng 3,3% so với năm 2021; ngành nông, lâm nghiệp thủy sản chiếm 32,6%, tăng 2,2%; ngành dịch vụ chiếm 23,5%, giảm 5,5%.

⁴³ Trong đó: 05 trường cao đẳng (*tăng 02 cơ sở - Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang và Trường Cao đẳng Biên phòng*), 06 Trường trung cấp (*giảm 01 cơ sở - Trường Trung cấp nghề miền núi Yên Thế - nâng cấp lên Cao đẳng*), 15 Trung tâm GDNN, 10 cơ sở hoạt động GDNN (*giảm 04 cơ sở do không đủ điều kiện hoạt động GDNN theo quy định*).

⁴⁴ Tính đến 31/10/2022, toàn tỉnh giải quyết 135.070 lượt người hưởng các chế độ BHXH đảm bảo kịp thời, chính xác, đúng quy định.

⁴⁵ Năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 11 nhiệm vụ đề tài, dự án KHCN cấp quốc gia ở các lĩnh vực như: nông nghiệp, y dược,...; 45 đề tài, dự án cấp tỉnh và 34 nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở.

chuyên giao khoa học kỹ thuật được quan tâm; chất lượng đề tài, dự án hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương. Công tác hướng dẫn, quản lý, bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa được triển khai thực hiện có hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, kiểm định, kiểm nghiệm hàng hóa; quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân... được tăng cường chỉ đạo có hiệu quả góp phần vào mục tiêu phát triển KTXH chung của tỉnh.

Công tác thẩm định công nghệ và đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư được chú trọng, đặc biệt quan tâm đến các dự án đầu tư có sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ cấm chuyển giao và hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật, các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp. Đã thẩm tra công nghệ 47 dự án đầu tư, tăng 14,6% so với năm 2021; cấp chứng nhận chuyển giao công nghệ cho 01 DN; hỗ trợ tư vấn phát triển DN khoa học công nghệ cho 05 DN.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH

1. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả gắn với đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số. Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS) của tỉnh năm 2021 duy trì nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước⁴⁶. Thủ tục hành chính thường xuyên được rà soát; kịp thời bãi bỏ những thủ tục rườm rà; cơ chế một cửa, một cửa điện tử hiện đại liên thông được nhân rộng và duy trì thực hiện tốt góp phần công khai hoá, minh bạch hoá các quy định về thủ tục hành chính, giảm phiền hà, thời gian chờ đợi cho người dân và tổ chức⁴⁷. Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) đứng thứ 10 cả nước.

Chính quyền địa phương ổn định; 100% xã, phường thị trấn trong toàn tỉnh đã triển khai mô hình Chính quyền thân thiện. Đã tổ chức thành lập thị trấn Phương Sơn và thị trấn Bắc Lý. Báo cáo Trung ương về chủ trương thành lập thị xã Việt Yên và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên và sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện và thành lập đô thị trên địa bàn tỉnh. Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện phát triển đô thị giai đoạn 2022- 2025. Chỉ đạo rà soát, chấm điểm tiêu chí đô thị của các đơn vị dự kiến thành lập thị xã, thị trấn huyện Lục Ngạn.

Công tác thanh tra, kiểm tra công vụ được thực hiện nghiêm túc, đã tạo bước chuyển biến mới về ý thức tổ chức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ngày càng được nâng lên. Hoàn thành tổ chức bầu cử trưởng thôn, tổ dân phố trong phạm vi toàn tỉnh⁴⁸.

2. Công tác tư pháp, thi hành án dân sự

Công tác xây dựng thể chế, chính sách của tỉnh được quan tâm chỉ đạo. Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ, Đoàn Đại biểu quốc hội, Ban Chỉ

⁴⁶ Chỉ số PAR Index đạt 88,65/100 điểm, đứng thứ 07/63 tỉnh thành, tăng 6 bậc so với năm 2020; Chỉ số SIPAS đạt 90,01%, đứng thứ 8/63 tỉnh thành, giảm 05 bậc so với năm 2020.

⁴⁷ Đến nay, 25/25 dịch vụ công thiết yếu mức độ 3, 4 được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tổng số hồ sơ dịch vụ công thiết yếu đã tiếp nhận: 46.249 trường hợp (trong đó nộp trực tuyến 25.556 trường hợp đạt 55,56%). Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện, có phát sinh hồ sơ đạt 42,1%. Kết quả xử lý hồ sơ đúng hạn đạt 93,11%; số lượng tài khoản Cổng dịch vụ công quốc gia được xác thực với CSDL quốc gia về dân cư là 121.120 tài khoản (xếp hạng tỉnh/thành phố là 9/63).

⁴⁸ Trong đó: 2.094 thôn, tổ dân phố (98,4%) đã bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; 19 thôn (0,9%) phải chỉ định trưởng thôn lâm thời; số đảng viên trúng cử trưởng thôn, tổ dân phố (gồm cả chỉ định) đạt tỷ lệ 91,6%.

đạo Cải cách tư pháp tỉnh ký kết quy chế phối hợp trong công tác xây dựng pháp luật và giám sát việc thi hành pháp luật; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật. Các văn bản hành chính, quy phạm pháp luật được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục⁴⁹. Chất lượng thẩm định, tham gia ý kiến vào dự thảo văn bản tiếp tục được nâng lên, qua đó góp phần tích cực vào việc đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành.

Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL được tăng cường. Thực hiện rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành theo 07 chuyên đề, lĩnh vực; rà soát, đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến việc sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và phát triển KTXH. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường thực hiện có hiệu quả; nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của người dân đã được nâng lên. Các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho DN tiếp tục được quan tâm; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai các hoạt động của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho DN nhỏ và vừa năm 2022.

Công tác thi hành án dân sự được triển khai kịp thời, theo đúng quy định của pháp luật. Mặc dù khối lượng công việc phát sinh lớn, phát sinh nhiều vụ khó khăn, phức tạp, yêu cầu nhiệm vụ cao song vẫn đạt kết quả tích cực. Năm 2022, có 13.679 việc, tương ứng với số tiền trên 1.493 tỷ đồng phải tổ chức thi hành án; trong đó có 12.056 vụ việc có điều kiện thi hành, tăng 16,3%, với số tiền gần 997 tỷ đồng, tăng 34,2%; đã thi hành xong 9.639 vụ việc, đạt tỷ lệ 80,0% cao hơn 4,6% so với năm 2021; tổng số tiền đã thi hành xong trên 380 tỷ đồng, đạt tỉ lệ 38,2%, cao hơn 4,8% so với năm 2021.

3. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng

Công tác thanh tra được quan tâm theo định hướng của Thanh tra Chính phủ và chỉ đạo của Tỉnh ủy. Hoạt động thanh tra chuyên ngành được tăng cường, tập trung vào những vấn đề bức xúc mà dư luận đang quan tâm. Qua thanh tra, đã phát hiện, xử lý nhiều vi phạm pháp luật, đồng thời kiến nghị thu hồi, xử lý sai phạm, xử lý hành chính các tập thể, cá nhân. Toàn tỉnh đã tiến hành triển khai 122 cuộc thanh tra hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý KTXH tại 321 đơn vị; 245 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với 1.543 tổ chức, cá nhân⁵⁰.

Công tác phòng chống tham nhũng đã được các cấp, các ngành triển khai thực hiện với nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt, đạt được nhiều kết quả tích cực. Việc tuyên truyền, giáo dục về phòng chống tham nhũng được quan tâm triển khai thực hiện thường xuyên, với nhiều hình thức phong phú. Hệ thống các văn bản quản lý, các cơ chế chính sách ngày càng được hoàn thiện theo hướng chặt chẽ hơn. Công tác thanh tra, kiểm tra nhằm phòng ngừa tham nhũng đã được đổi mới;

⁴⁹ Ngành Tư pháp đã tham gia ý kiến vào 92 dự thảo văn bản (tăng 33 văn bản); thẩm định 24 dự thảo văn bản QPPL của tỉnh và 01 dự thảo đề nghị xây dựng Nghị quyết (tăng 02 văn bản); hoàn thiện 21 dự thảo văn bản QPPL (tăng 02 văn bản); hoàn thành biên tập cuốn “Tập hợp các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành năm 2021”.

⁵⁰ Qua thanh tra phát hiện sai phạm với tổng số tiền 85.384 triệu đồng, 8.132m² đất; trong đó yêu cầu thu hồi về ngân sách nhà nước 57.512 triệu đồng; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán và chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền xử lý bằng các biện pháp tài chính khác 27.872 triệu đồng và xử lý khác 8.132 m² đất. Chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính đối với 17 tập thể, 318 cá nhân.

trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện pháp luật thanh tra, khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng được tăng cường.

4. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo (KNTC) được quan tâm với nhiều biện pháp chỉ đạo quyết liệt. Trách nhiệm tiếp công dân và giải quyết KNTC của người đứng đầu có chuyển biến tích cực; việc thực hiện Phó Chủ tịch UBND tỉnh về trực tiếp tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân của huyện đã góp phần tạo niềm tin của người dân vào chính quyền cấp cơ sở. Chất lượng tham mưu, giải quyết vụ việc của các sở, ngành cơ bản tốt, chất lượng giải quyết của cấp huyện, cấp xã đã được nâng lên; công tác hòa giải, đối thoại với công dân được chú trọng. Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh không phát sinh “điểm nóng” về khiếu kiện; hầu hết các vụ việc phát sinh đã được tiếp nhận, xử lý theo quy định và xem xét, giải quyết kịp thời⁵¹; một số vụ việc phức tạp, kéo dài đã được xử lý, giải quyết dứt điểm⁵².

5. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Công tác quốc phòng, an ninh được triển khai đồng bộ, toàn diện. Chỉ đạo huyện Lục Nam tổ chức diễn tập PCTT-TCN, huyện Sơn Động diễn tập KVPT huyện năm 2022, kết quả hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bảo đảm an toàn tuyệt đối. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, ổn định; kiểm chế, kéo giảm tội phạm, đấu tranh quyết liệt với tội phạm “tín dụng đen”, băng ổ nhóm, điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy; đảm bảo tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng của tỉnh, nhất là bảo vệ an toàn tuyệt đối cho các hoạt động của SEA Games 31 diễn ra tại tỉnh⁵³; góp phần thúc đẩy phát triển KTXH, nâng cao uy tín, hình ảnh của tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được tăng cường; đẩy mạnh thực hiện và đảm bảo tiến độ, chất lượng các chương trình, kế hoạch, đề án về bảo đảm an ninh, trật tự. Việc thực hiện có hiệu quả các Đề án về bảo đảm an ninh, trật tự, xây dựng lực lượng Công an nhân dân đã góp phần tạo nền tảng cho công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật, xây dựng lực lượng Công an cơ sở. Tình hình tai nạn giao thông và cháy nổ giảm mạnh⁵⁴.

Công tác đối ngoại được tăng cường, các hoạt động thông tin đối ngoại có nhiều hình thức mới, thiết thực; UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng Kế hoạch tổ chức một số hoạt động đối ngoại tỉnh giai đoạn 2022-2030; Đề án kết nối, thu hút, phát huy nguồn lực người Việt Nam ở nước ngoài hướng về xây dựng Bắc Giang giai đoạn 2021-2030; kế hoạch thực hiện Thỏa thuận hợp tác giữa UBND tỉnh Bắc Giang và Chính quyền tỉnh Xay Sôm Bun (Lào) giai đoạn 2021-2025; kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hàn Quốc... Công tác thông

⁵¹ Trong năm, toàn tỉnh đã tiếp 8.217 lượt người đến KNTC và kiến nghị, phản ánh giải quyết 6.135 vụ việc (tăng 1.526 lượt người và tăng 702 vụ việc). Tổng số đơn phải giải quyết là 4.254 đơn (tăng 1.332 đơn); đã xem xét giải quyết xong 3.904 đơn, đạt tỷ lệ 91,8% (giảm 3%). Chỉ đạo giải quyết xong 19/20 vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài.

⁵² Trong năm đã xử lý, giải quyết ổn định vụ việc giữa thôn Khe Tầu, xã Yên Định, huyện Sơn Động và thôn Vách Gạo, xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn.

⁵³ Xây ra 494 vụ phạm tội về TTXH; giảm 5% so với cùng kỳ năm 2021 (494/520 vụ); hậu quả chết 12 người, bị thương 102 người; thiệt hại tài sản khoảng hơn 84,6 tỷ đồng

⁵⁴ Đã xảy ra 224 vụ TNGT, chết 112 người, bị thương 160 người; giảm 53 vụ (19%), giảm 05 người chết (4,3%), giảm 65 người bị thương (28,9%) so với cùng kỳ 2021; Xây ra 15 vụ cháy, không có thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản 800 triệu đồng giảm 10 vụ.

tin đối ngoại được tăng cường dưới nhiều hình thức đa dạng như: quảng bá hình ảnh của tỉnh trong các chương trình đón tiếp các đối tác nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh; các chuyến công tác của Lãnh đạo tỉnh tham gia 4 đoàn công tác cấp cao của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước⁵⁵; tuyên truyền qua các ấn phẩm đối ngoại, công thông tin điện tử, mạng xã hội...

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. KẾT QUẢ NỔI BẬT

Năm 2022, dù đứng trước nhiều khó khăn, thách thức; song với sự thống nhất cao trong lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; sự đoàn kết, đồng lòng, nỗ lực vượt khó của Nhân dân cùng cộng đồng DN; Bắc Giang đã nhanh chóng vượt qua khó khăn, tận dụng tốt các cơ hội để bứt phá. KTXH đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Nhiều chỉ tiêu chủ yếu cao hơn bình quân chung của cả nước. Tăng trưởng kinh tế cao gấp hơn 2 lần bình quân chung cả nước, tăng trưởng toàn diện trên các lĩnh vực và các địa phương. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực. Sản xuất công nghiệp tăng mạnh là động lực chính cho tăng trưởng; sản xuất nông nghiệp ổn định, là trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế. Dịch vụ phát triển sôi động. Thu NSNN đạt kết quả khá. Vốn đầu tư quản lý chặt chẽ, phát huy hiệu quả; hạ tầng KTXH được cải thiện đáng kể. Các nguồn lực đất đai tài nguyên được quan tâm, sử dụng hiệu quả hơn; công tác bảo vệ môi trường được chú trọng.

Công tác phát triển văn hóa được quan tâm, chú trọng hơn. Nhiều sự kiện văn hóa, thể thao mang tầm quốc gia, quốc tế được chức thành công đã góp phần nâng cao vị thế và uy tín của tỉnh. Chất lượng giáo dục, y tế được duy trì; an sinh xã hội được đảm bảo. Công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện hiệu quả; Bắc Giang nằm trong nhóm các tỉnh, thành có tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đạt cao nhất trong toàn quốc. Công tác chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính đạt kết quả nổi bật. Chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp có nhiều đổi mới, sáng tạo, năng động và hiệu quả hơn; nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài được giải quyết; các vụ việc phát sinh được ứng phó kịp thời. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân và giải quyết KNTC được chú trọng. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có nhiều chuyển biến tích cực.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại hạn chế

1.1. Lĩnh vực kinh tế, đầu tư xây dựng và tài nguyên môi trường

Tăng trưởng kinh tế cao song có xu hướng chậm lại. Một số chỉ tiêu thành phần không đạt kế hoạch đề ra (*tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng, CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn...*).

⁵⁵ Như: Đoàn công tác của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ dự Hội nghị APPF-29 tại Hàn Quốc, Đoàn công tác của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc tới Liên bang Nga và Liên bang Thụy Sĩ, Đoàn Chủ tịch nước thăm chính thức Singapore, Đoàn công tác của Thủ tướng Chính phủ tới Hoa Kỳ tham dự Hội nghị cao cấp đặc biệt ASEAN - Hoa Kỳ, thăm và làm việc tại Hoa Kỳ và Liên hợp quốc. Qua đó, Lãnh đạo tỉnh tham gia các diễn đàn kết nối DN, trao giấy chứng nhận đầu tư cho Tập đoàn của Hàn Quốc; trao giấy chứng nhận đầu tư và ký biên bản ghi nhớ về đầu tư với các đối tác Singapore với tổng vốn đầu tư khoảng 3,6 tỷ USD; ký các Bản ghi nhớ hợp tác giữa UBND tỉnh Bắc Giang với Hội Doanh nhân người Việt tại Hoa Kỳ...

Sản xuất công nghiệp phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI, đặc biệt là một nhóm nhỏ các DN lớn. Trong khi đó tỉnh đang đối mặt với nhiều rào cản: hạ tầng các KCN, CCN chậm được đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ; vừa phải xây dựng hạ tầng vừa thu hút đầu tư nên chất lượng chưa cao. Công tác hỗ trợ để triển khai một số dự án hạ tầng KCN ở các huyện chưa hiệu quả. Giao thông kết nối với các tỉnh, thành phố lân cận còn một số điểm nghẽn.

Hạ tầng thương mại dịch vụ còn yếu, phân tán và chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Hoạt động kinh doanh trực tuyến diễn ra phức tạp. Hành vi lợi dụng thương mại điện tử để kinh doanh hàng nhập lậu, hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, vi phạm về đo lường, chất lượng, an toàn thực phẩm còn xảy ra. Hoạt động vận chuyển, kinh doanh hàng nhập lậu, hàng giả, vi phạm về sở hữu trí tuệ, niêm yết giá, ghi nhãn hàng hóa, an toàn thực phẩm,... còn có nơi chưa kiểm soát tốt, diễn biến phức tạp.

Sản xuất kinh doanh của một số DN nhất là các DN vừa và nhỏ trong nước gặp nhiều khó khăn; chuỗi cung ứng chưa được nối liền hoàn toàn, nguồn cung nguyên vật liệu còn hạn chế, giá thành tăng cao, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp; chưa có chính sách đủ mạnh để giữ chân người lao động trong khi chưa tìm kiếm nguồn lao động mới thay thế. Một số dự án FDI có quy mô lớn gặp khó trong việc huy động chuyên gia, tuyển dụng quản lý, đặc biệt là nguồn nhân lực từ nước ngoài.

Công tác bảo vệ rừng có nơi, có lúc chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là khu vực rừng tự nhiên trên địa bàn huyện Lục Ngạn, Lục Nam và Sơn Động. Số vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp tăng. Số lượng các DN đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn ít. Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ở một số nơi kém hiệu quả, lãng phí gây bức xúc⁵⁶.

Môi trường đầu tư, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đã có nhiều cố gắng song chưa thực sự được cải thiện. Chất lượng thu hút đầu tư còn hạn chế, chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư có tiềm năng; một số dự án đầu tư thứ cấp triển khai chậm, không đảm bảo tiến độ theo chứng nhận đăng ký đầu tư. Việc giải ngân vốn đầu tư đăng ký của các DN chưa cao. Công tác hậu kiểm sau đầu tư chưa được quan tâm dẫn đến nhiều dự án xảy ra sai phạm.

Công tác bồi thường GPMB vẫn gặp nhiều khó khăn vướng mắc ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai các dự án. Công tác phối hợp bồi thường giải phóng mặt bằng giữa UBND huyện và chủ đầu tư chưa tốt. Tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư công và đầu tư ngoài ngân sách còn chậm; giải ngân vốn ODA chậm. Còn 01 dự án đầu tư công dự kiến khởi công mới năm 2022 nhưng chưa được khởi công.

Thu ngân sách chưa thực sự bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào thu tiền sử dụng đất. Công tác quản lý, bàn giao, sử dụng tài sản công (*như: Nhà văn hóa, công trình thể thao, công trình kênh mương...*) chưa được quan tâm đúng mức, nhất là ở cấp xã, thôn. Nợ đọng xây dựng cơ bản, tình trạng chậm thanh quyết toán các công trình hoàn thành còn xảy ra ở cấp xã.

⁵⁶ Trong tổng số 133 công trình nhà nước đầu tư hiện có 61 công trình không hoạt động, số vốn đã đầu tư 46,9 tỷ đồng, 11 công trình hoạt động kém hiệu quả, vốn đã đầu tư 12,6 tỷ đồng; một số công trình hoàn thành nhưng chậm đưa vào sử dụng...

Việc triển khai Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Chất lượng công tác khảo sát, lập quy hoạch của một số đề án quy hoạch còn chưa cao, tầm nhìn chưa xa, quy hoạch chi tiết còn manh mún thiếu đồng bộ, chông chéo với các quy hoạch chuyên ngành khác dẫn đến phải điều chỉnh cục bộ nhiều lần.

Thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý thị trường bất động sản còn nhiều bất cập; công tác thanh tra, kiểm tra về nhà ở và thị trường bất động sản ở cấp huyện hầu như chưa được thực hiện. Tiến độ thực hiện dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở xã hội còn chậm. Một số chủ đầu tư dự án khu dân cư, khu đô thị mới chưa quyết liệt triển khai, thực hiện dự án, sau khi được chấp thuận đầu tư.

Công tác thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 và Kết luận số 120-KL/TU ngày 08/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn hạn chế, kết quả xử lý vi phạm đất đai chưa đáp ứng yêu cầu và tiến độ đề ra. Tình trạng thiếu đất san lấp mặt bằng còn xảy ra khiến nhiều dự án gặp khó khăn.

Việc triển khai xây dựng, thu hút các nhà máy xử lý rác thải tại hầu hết các địa phương đều vướng mắc. Tiến độ thực hiện lắp đặt các lò đốt rác theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh tại một số địa phương như: Lục Nam, Tân Yên... còn chậm so với kế hoạch. Ô nhiễm môi trường tại các ao hồ, sông suối trên địa bàn có xu hướng tăng.

1.2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

Ý thức phòng dịch COVID-19 của một số cán bộ, người dân còn chưa tốt, có lúc còn chủ quan, lơ là. Chế độ, chính sách đãi ngộ cho cán bộ, viên chức y tế còn thấp, không phù hợp với tình hình thực tế. Việc tuyển dụng viên chức y tế tại tuyến xã gặp khó khăn.

Chất lượng khám chữa bệnh ở một số cơ sở còn hạn chế. Tình trạng khám chữa bệnh vượt tuyến còn xảy ra. Việc bố trí, sắp xếp và tổ chức các dịch vụ thuê khoán ngoài, dịch vụ phi y tế tại một số đơn vị còn lộn xộn, ảnh hưởng tới mỹ quan của đơn vị.

Công tác đấu thầu, mua sắm trang thiết bị, thuốc, hóa chất, vật tư y tế tại các cơ sở y tế công lập còn khó khăn, bất cập.

Công tác xây dựng, đánh giá trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Ở một số khu vực, địa phương, đơn vị số học sinh/lớp còn đông; tỷ lệ huy động trẻ ra nhà trẻ còn thấp (20,9%). Số giáo viên mầm non và tiểu học thiếu so quy định; vẫn còn tình trạng thiếu giáo viên dạy các môn đặc thù như Tin học, tiếng Anh, Nghệ thuật.

Công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch chưa có nhiều đổi mới. Các tua, tuyến du lịch trong tỉnh chưa được hình thành rõ nét.

Kết quả giảm nghèo chưa thực sự vững chắc, còn hiện tượng tái nghèo, nhất là vùng cao. Đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn; thu nhập của công nhân lao động giảm. Số trẻ em bị đuối nước còn xảy ra nhiều ở một số địa phương: huyện Lục Ngạn, Lạng Giang, Sơn Động.

Quy mô, năng lực tuyển sinh, đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội. Việc định hướng nghề nghiệp, phân luồng học

sinh chưa đạt yêu cầu. Việc gắn kết giữa giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên với DN còn thiếu chặt chẽ. Nợ đọng BHXH có chiều hướng tăng; một số DN còn nợ đọng kéo dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động.

Chất lượng, hiệu quả hoạt động nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống chưa đồng đều, chưa trọng tâm vào một số lĩnh vực như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới. Một số dự án KH&CN cấp quốc gia, cấp tỉnh chậm tiến độ cần phải gia hạn thời gian thực hiện.

1.3. Lĩnh vực nội chính

Một số tồn tại hạn chế kéo dài chậm được khắc phục: công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; đầu tư hạ tầng KCN, CCN, hạ tầng dịch vụ, thi hành án... chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Công tác xây dựng thể chế, rà soát văn bản ở một số sở, ngành và UBND cấp huyện chất lượng, hiệu quả còn chưa cao; công tác xây dựng, tự đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật còn hình thức, mức độ tiếp cận pháp luật của người dân còn thấp. Hoạt động của Tổ hòa giải ở một số cấp xã còn mang tính hình thức.

Phong trào thi đua tuy đã được rộng khắp nhưng kết quả, chất lượng một số phong trào còn chưa cao. Hoạt động của cụm, khối thi đua tuy đã có đổi mới nhưng chưa có nhiều sáng tạo. Công tác tham mưu, giải quyết các vụ việc liên quan đến tôn giáo ở một số địa phương cơ sở còn chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao.

Tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản qua thanh tra còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Một số địa phương chậm giải quyết vụ việc KNTC do Chủ tịch UBND tỉnh chuyển về (*Hiệp Hòa, Lạng Giang, Việt Yên*); chất lượng giải quyết của một số địa phương còn hạn chế (*Việt Yên, Lục Nam, Lục Ngạn*); còn tình trạng công dân tập trung ra Hà Nội khiếu kiện⁵⁷.

Công tác quản lý an ninh trật tự trong các KCN và khu vực xung quanh các KCN có lúc chưa tốt; trộm cắp tài sản trong DN vẫn tiếp diễn; tình trạng mất ATGT, bán hàng rong khu vực xung quanh KCN còn xảy ra.

An ninh trật tự còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Một số loại tội phạm tăng; tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng còn diễn biến phức tạp. Vi phạm pháp luật về đất đai, môi trường, nhất là khai thác khoáng sản (đất) trái phép, ngoài phép xảy ra ở một số địa phương.

Công tác quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án ở cộng đồng còn nhiều hạn chế, thiếu sót, vi phạm. Trật tự an toàn giao thông còn tiềm ẩn phức tạp, vi phạm về nồng độ cồn, xe quá khổ, quá tải còn xảy ra ở một số tuyến, địa bàn.

Việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính ở một số cơ quan, đơn vị còn có sai sót, vi phạm. Công tác phối hợp trong công tác xử lý vi phạm hành chính giữa một số cơ quan, đơn vị có liên quan có lúc còn chưa chặt chẽ, chưa kịp thời.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân kết quả đạt được

⁵⁷ Các công dân Trần Thị Lâm, huyện Lục Nam, Nguyễn Thị Hiền, thành phố Bắc Giang và bà Lý Thị Hà (*nhà sư Thích Đàm Thoa – Chùa Non Đào, huyện Tân Yên*).

Kết quả trên đạt được là do Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã luôn kiên định mục tiêu đã đề ra, thường xuyên cập nhật, bổ sung những chủ trương, nhiệm vụ mới theo chỉ đạo của Trung ương.

Chỉ đạo điều hành quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo, có trọng tâm trọng điểm. Bám sát thực tiễn, tăng cường dự báo, chủ động đề xuất, triển khai các chính sách có tính chất đột phá, tạo động lực cho phát triển; ứng phó kịp thời các tình huống phát sinh.

Thường xuyên quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính xây dựng chính quyền thân thiện, liêm chính, phục vụ.

Có sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Nhân dân ủng hộ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chính quyền.

2.2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

Tình hình thế giới biến động nhanh, phức tạp, khó lường, vượt dự đoán; trong khi nền kinh tế tỉnh có độ mở lớn, năng lực nội tại, sức chống chịu, khả năng thích ứng còn hạn chế. Thách thức về các vấn đề tệ nạn xã hội, đạo đức, an ninh trật tự... ngày càng lớn.

Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, chậm ban hành, thường xuyên thay đổi. Ý thức chấp hành các quy định của một bộ phận người dân và DN trên một số lĩnh vực chưa cao.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác phân tích, dự báo, xây dựng, triển khai chính sách, giải pháp ứng phó với biến động tình hình của một số cơ quan chức năng còn bị động, chưa kịp thời.

Một bộ phận cán bộ, công chức năng lực còn yếu, còn hiện tượng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương.

Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; thanh tra, kiểm tra, giám sát một số lĩnh vực chưa quyết liệt, kịp thời, hiệu quả.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Dự báo năm 2023, tình hình kinh tế thế giới, khu vực và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp khó lường cả về chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội. Nguy cơ suy thoái ở các nền kinh tế lớn trên thế giới ngày càng hiện rõ, có thể gây ra nhiều tác động tiêu cực. Cùng với cả nước, Bắc Giang đứng trước những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất gia tăng; giá nhiều yếu tố đầu vào, chi phí sản xuất

kinh doanh có xu hướng tăng; chuỗi cung ứng toàn cầu có thể bị gián đoạn gây khó khăn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh; thiên tai, dịch bệnh ngày càng khó lường. Nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài và mới phát sinh cần phải tập trung giải quyết. Năng lực cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh chưa cao; sức ép từ hạ tầng xã hội, các vấn đề môi trường, an ninh trật tự ngày càng lớn...

Bên cạnh những khó khăn, Bắc Giang cũng có nhiều yếu tố thuận lợi cho phát triển KTXH năm 2023. Trong đó, các thành tựu quan trọng đạt được trong những năm qua đã nâng cao vị thế, uy tín của tỉnh; trở thành một trong những điểm đến quan trọng của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh luôn quyết liệt, kiên định mục tiêu, mạnh dạn đổi mới tư duy trong lãnh, chỉ đạo thực hiện phát triển KTXH; các cấp các ngành quyết tâm cao, linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức thực hiện; niềm tin của người dân và cộng đồng DN ngày càng được củng cố vững chắc....

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Kiểm soát hiệu quả các loại dịch bệnh. Đẩy mạnh thực hiện thực chất, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế; củng cố, phát triển các động lực tăng trưởng mới. Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số. Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Tăng cường rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ phát triển. Đổi mới tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật, đảm bảo chặt chẽ về mặt pháp lý; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Củng cố quốc phòng, an ninh; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội; đẩy mạnh hợp tác đối ngoại, nâng cao uy tín, vị thế của tỉnh.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

* Về kinh tế:

(1) Phần đầu tốc độ tăng GRDP đạt 14,5%, trong đó Công nghiệp - xây dựng tăng 18,6% (*Công nghiệp tăng 20%, xây dựng tăng 7,5%*); Dịch vụ tăng 7,5%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1%; Thuế sản phẩm tăng 8%.

Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng 64,4%; Dịch vụ (*bao gồm cả Thuế sản phẩm*) 22,2%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 13,4%;

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 3.850 USD;

(3) Tốc độ tăng năng suất lao động 11,9%;

(4) Thu ngân sách nhà nước đạt 15.043 tỷ đồng;

(5) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 88,6 nghìn tỷ đồng;

- (6) Giá trị sản xuất/01ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 135-140 triệu đồng;
- (7) Khách du lịch 1,5 triệu lượt;
- (8) Tỷ lệ dân số đô thị đạt 23,7%;
- (9) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 84,6%; huyện đạt chuẩn nông thôn mới: lũy kế 5 huyện.

*** Về văn hóa - xã hội:**

- (10) Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 94,9%, mức độ 2 đạt 24%;
- (11) Số giường bệnh/10.000 dân (*không tính giường của TYT xã và PKĐKKV*) đạt 31,8 giường; tỷ lệ người dân có thẻ BHYT đạt 99,26%; 40% lao động trong độ tuổi tham gia BHXH;
- (12) Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hoá 81,5%; Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị 92,6%; Tỷ lệ xã có đầy đủ các thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, cấp xã 86,5%;
- (13) Tỷ lệ hộ nghèo (*theo chuẩn giai đoạn 2021-2026*) đạt 3%; trong đó các xã đặc biệt khó khăn còn 23%;

(14) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 76%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 33%; Tỷ lệ lao động thất nghiệp thành thị 2,65%; Cơ cấu lao động: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 25,2%; Công nghiệp - xây dựng 44,2%; Dịch vụ 30,6%.

*** Về môi trường:**

- (15) Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch (*đạt quy chuẩn 01 trở lên*) đạt 63,7% (*trong đó thành thị 93,1%; nông thôn đạt 56,5%*).
- (16) Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom xử lý hợp vệ sinh đạt 82,7% (*thành thị 95%, nông thôn 72,5%*);
- (17) KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 100%; CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn 62,9%; Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý 100%;
- (18) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 37,8%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2023

Năm 2023 là năm bản lề thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, việc đạt mục tiêu tăng trưởng 14,5% thể hiện quyết tâm chính trị cao, đòi hỏi nỗ lực rất lớn của toàn hệ thống chính trị. Với tinh thần vượt khó, vươn lên, các cấp các ngành cần tập trung triển khai đồng bộ, toàn diện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Đổi mới tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; củng cố, phát triển các động lực tăng trưởng mới. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

Đổi mới tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; tập trung rà soát, khắc phục những tồn tại, hạn chế, khó khăn vướng mắc của chính quyền các cấp gắn

với giao nhiệm vụ trọng tâm cụ thể cho người đứng đầu các sở, ngành, địa phương; tạo chuyển biến rõ nét trên các lĩnh vực nhằm khơi thông điểm nghẽn, củng cố, tạo động lực cho phát triển. Đồng thời đảm bảo chặt chẽ về mặt pháp lý. Theo dõi sát diễn biến tình hình thế giới, trong nước; tăng cường phân tích, dự báo, chủ động các kịch bản, phương án chỉ đạo điều hành ứng phó với mọi tình huống. Nâng cao nhận thức và tư duy trong công tác quy hoạch. Huy động, tập trung nguồn lực triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung, quy hoạch vùng cấp huyện, quy hoạch cấp xã đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

Thực hiện hiệu quả, thực chất hơn các nhiệm vụ cơ cấu lại và phát triển các ngành, lĩnh vực. Chuyển dần từng bước từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng kết hợp hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, nâng dần tỷ lệ đóng góp của yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết chuyên đề của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về tăng cường lãnh đạo thực hiện chương trình phục hồi và phát triển KT-XH, triển khai thực hiện 3 chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 147-NQ/TU ngày 15/07/2021 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030. Phát triển công nghiệp hướng tới mô hình "Hệ sinh thái công nghiệp", gắn kết KCN với đô thị, dịch vụ có kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại. Phát triển mạnh sản xuất công nghiệp theo chiều sâu, tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo. Thường xuyên cập nhật tình hình xuất nhập khẩu, kịp thời thông tin khuyến cáo tới DN để chủ động có phương án, giải pháp ứng phó. Tăng cường kết nối giao thương giữa DN trong tỉnh với DN của các nước trong khu vực và quốc tế. Nâng cao công tác quản lý bảo vệ hành lang lưới điện cao áp nhằm bảo đảm an toàn đường điện cao áp trên địa bàn tỉnh.

Quán triệt, triển khai thực hiện Chương trình hành động số 37-Ctr/Tu ngày 07/10/2022 của Tỉnh ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 229/UBND-KTN ngày 05/04/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh theo hướng phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường sinh thái; thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập kinh tế; xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh; đồng thời, khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã với DN. Triển khai đảm bảo mục tiêu, kế hoạch thực hiện chương trình OCOP; từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để xây dựng NTM kiểu mẫu; quan tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM. Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật.

Triển khai Đề án phát triển tự động hóa trong nuôi thủy sản thâm canh cao giai đoạn 2021-2025 đảm bảo tiến độ, hiệu quả. Kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo công tác tưới và quản lý nguồn nước đảm bảo phục vụ sản xuất. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về đê điều; phòng, chống thiên tai; xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm mới phát sinh và các vi phạm tái diễn.

Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025. Tổ chức thành công Lễ khai hội Xuân và khai mạc Tuần Văn hóa - Du lịch năm 2023. Rà soát, đề xuất và triển khai các chính sách hỗ trợ du lịch cộng đồng, khôi phục hoạt động các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch. Tăng cường công tác xúc tiến, tìm kiếm nhà đầu tư triển khai các dự án sân golf theo định hướng giai đoạn 2021-2030. Chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ ứng dụng công nghệ cao, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ về tài chính, ngân hàng, giáo dục đào tạo, y tế, công nghệ thông tin, logistics...

Tăng cường các hoạt động kết nối cung - cầu: Chủ động kết nối với các tập đoàn, kênh phân phối, các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh, các vùng lân cận để tiêu thụ hàng nông sản cho nông dân (*vải thiều Lục Ngạn, gà đồi Yên Thế, mỳ gạo Chũ, rau chế biến, rau an toàn...*). Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, quảng bá các sản phẩm nông sản chủ lực. Tập trung chỉ đạo kiểm tra, xử lý các hành vi lợi dụng tình hình khan hiếm hàng hóa trên thị trường để mua gom hàng hóa hoặc lợi dụng tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng để định giá bán bất hợp lý đối với các hàng hóa thiết yếu phục vụ người dân. Tăng cường xử lý, ngăn chặn các vi phạm về sở hữu trí tuệ, tạo môi trường lành mạnh thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Tập trung thực hiện đồng bộ linh hoạt các giải pháp huy động vốn và hoạt động cho vay; bảo đảm cung cấp đủ vốn tín dụng cho nền kinh tế, tập trung vào sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng; tạo thuận lợi cho người dân, DN tiếp cận vốn tín dụng; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động công nghệ thông tin.

2. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng thu hút đầu tư; tạo điều kiện phát triển các thành phần kinh tế

Triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 105-NQ/TU ngày 28/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo các ngành, địa phương, lãnh đạo tỉnh với các doanh nghiệp để xử lý kịp thời những vướng mắc, bất cập, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch; quyết tâm cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động tiếp xúc, đối thoại với cộng đồng DN theo nhóm ngành, lĩnh vực, trong đó cần quan tâm hơn nữa tới DN nhỏ và vừa. Chuẩn bị các điều kiện

cần thiết, nhất là hạ tầng, nguồn nhân lực, mặt bằng để chủ động đón đầu dòng dịch chuyển vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các nguồn vốn chất lượng với công nghệ tiên tiến trên cơ sở đáp ứng Quy định suất đầu tư và số lao động sử dụng đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục khắc phục những tồn tại hạn chế đã được chỉ ra tại Nghị quyết của HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc chấp hành pháp luật trong thu hút đầu tư vào các KCN, CCN giai đoạn 2018-2022. Phát huy hơn nữa vai trò của Ban Chỉ đạo Hỗ trợ đầu tư và Phát triển DN tỉnh; Ban Chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện các giải pháp nâng hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Tổ công tác tiếp nhận các thông tin, phản ánh của DN, nhà đầu tư. Chú trọng công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra DN thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về đầu tư, sản xuất kinh doanh, lao động, môi trường, xây dựng. Tăng cường kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm trong công tác đầu tư; kiên quyết xử lý đối với những nhà đầu tư cố tình không thực hiện theo quy hoạch, xử lý thu hồi các dự án không triển khai.

Quan tâm hỗ trợ, xây dựng các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới phù hợp với bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0. Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phát triển mô hình Hợp tác xã ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và mô hình Hợp tác xã nông nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giai đoạn 2021-2025”.

3. Đẩy mạnh thu ngân sách nhà nước; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và phát triển đô thị

Tập trung triển khai hiệu quả Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác quản lý thu, chi NSNN, chống thất thu; Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án tăng thu NSNN, phấn đấu đến năm 2025 cơ bản cân đối chi thường xuyên ngân sách địa phương. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp quản lý thuế, theo dõi chặt chẽ tiến độ thu theo từng sắc thuế, địa bàn, khu vực thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu NSNN như: thu tiền sử dụng đất, thu từ khu vực FDI, ngoài quốc doanh...

Nâng cao hiệu quả công tác thu, quản lý và sử dụng nguồn thu từ đất. Tăng cường kỷ luật tài chính NSNN, triệt để tiết kiệm chi; thận trọng, chặt chẽ cân đối các nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng của từng địa phương. Thực hiện tốt thanh tra, kiểm tra chấp hành của các địa phương, đơn vị về công tác tài chính, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền. Tăng cường tuyên truyền các chính sách, pháp luật thuế mới, sửa đổi, bổ sung; nâng cao hiệu quả và tính kịp thời trong công tác hỗ trợ người nộp thuế, tập trung trả lời, giải đáp những khó khăn, vướng mắc về chính sách thuế. Tập trung công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đảm bảo đúng, đủ các biện pháp quản lý nợ theo quy trình. Phấn đấu nợ đọng thuế có khả năng thu đến ngày 31/12/2023 dưới 5% so với tổng thu ngân sách năm 2023.

Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tăng cường thu hút đầu tư xã hội. Chú trọng đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị. Tổ chức triển khai Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị

trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 340/KH-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh về tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội giai đoạn 2021 – 2025. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng diện tích còn lại của các KCN: Việt Hàn, Quang Châu, Hòa Phú, Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam) và các KCN: Yên Lư, Tân Hưng. Chỉ đạo hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KCN theo kế hoạch. Mở rộng quỹ đất sạch công nghiệp, đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư.

Đảm bảo cân đối nguồn lực hợp lý trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư công; quản lý không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản nhất là ở cấp xã; thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia góp phần thực hiện tốt các mục tiêu đảm bảo an sinh, xã hội, môi trường. Ưu tiên nguồn vốn ngân sách, tăng cường huy động, thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, dịch vụ vận tải. Đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm có trong Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, đảm bảo kết nối nội bộ, kết nối vùng thuận lợi. Tập trung hoàn thành các dự án: ĐT292 đoạn từ cầu Bó Hạ đến thị trấn Phồn Xương; ĐT291 trên địa bàn huyện Sơn Động; Xây dựng đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với thị xã Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên; Đường nối QL37-QL17-ĐT292; Xây dựng đường và cầu Hà Bắc 2 nối tuyến nhánh 2 Đường vành đai IV với KCN Yên Phong và QL18; Đường nối QL37-QL17-Võ Nhאי; Xây dựng cầu Như Nguyệt; Trạm bơm Công Chấn.

Quan tâm chỉ đạo công tác quản lý thị trường bất động sản; có giải pháp hiệu quả để phát triển thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, minh bạch và đúng hướng. Theo dõi chặt chẽ, kịp thời, nắm bắt thông tin, tình hình diễn biến của thị trường và thực hiện các biện pháp xử lý kịp thời để bình ổn thị trường. Triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển nhà ở, Kế hoạch phát triển nhà ở và Đề án phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân đã được phê duyệt. Tập trung tháo gỡ các vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án khu đô thị, khu dân cư mới.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quy hoạch và xây dựng, thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Đổi mới tư duy phương pháp lập, quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng. Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý quy hoạch đô thị; huy động và phát huy có hiệu quả nguồn vốn xã hội hóa cho các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 tại các khu vực đô thị và khu vực có khả năng thu hút đầu tư cao. Các huyện, thành phố khẩn trương tập trung rà soát các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch phân khu, quy hoạch NTM,... xây dựng kế hoạch, lộ trình điều chỉnh để đảm bảo kịp thời, phù hợp với quy hoạch tỉnh được duyệt.

Nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chi phí; thẩm định dự án đầu tư, cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng sau cấp phép... theo quy định. Tăng cường trách nhiệm, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quản lý trật tự xây dựng. Tăng cường kiểm tra chất lượng, kiểm tra công tác nghiệm thu, kiểm tra công tác an toàn lao động ngay trong quá trình thi công xây dựng.

4. Quản lý hiệu quả tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường

Quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên, nhất là tài nguyên đất đai. Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tăng cường kiểm tra, thanh tra để xử lý các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh. Quán triệt thái độ nghiêm túc trong đấu tranh, ngăn ngừa các vi phạm về đất đai theo Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020, Kết luận số 120-KL/TU ngày 08/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; tập trung chỉ đạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ việc thu gom, xử lý rác thải theo Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020, Kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá các khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường để có giải pháp phòng ngừa, xử lý kịp thời. Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực hoạt động khoáng sản theo kế hoạch.

Triển khai hiệu quả Nghị quyết chuyên đề của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về tăng cường lãnh đạo công tác quản lý đất đai, thu hồi đất, bồi thường, GPMB. Quyết liệt hơn nữa trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Khắc phục tình trạng thiếu đất san lấp mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai các dự án đầu tư. Tập trung tháo gỡ khó khăn về thủ tục hành chính, trên cơ sở đó đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, DN đầu tư theo đúng quy định.

5. Chú trọng công tác y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân

Chủ động phương án ứng phó hiệu quả với dịch COVID-19 và các dịch bệnh khác có thể xảy ra, góp phần ổn định, phục hồi và phát triển KTXH. Tập trung đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị, thuốc, hoá chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao, phương tiện phòng hộ phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh khác, sẵn sàng đáp ứng kịp thời khi dịch bùng phát và lây lan rộng. Nâng cao năng lực y tế (*nhất là y tế dự phòng và y tế cơ sở*); thường xuyên nắm tình hình, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đảm bảo đủ thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế tại các bệnh viện, cơ sở y tế phục vụ khám chữa bệnh cho Nhân dân, kiên quyết không để vì vướng mắc mà không thực hiện hoặc chậm thực hiện, làm ảnh hưởng đến chất lượng khám, chữa bệnh.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ có hiệu quả. Tiếp tục triển khai hỗ trợ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh và Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2021 - 2025. Tiếp tục mở rộng quy mô các cơ sở y tế theo hướng chuyên khoa sâu, nhất là các cơ sở y tế tuyến tỉnh; phát triển một số cơ sở y tế ngoài công lập, dự kiến thành lập mới 1 - 2 bệnh viện tư nhân. Nâng cao chất lượng chuyên môn, kỹ thuật và chất lượng phục vụ nhân dân. Đổi mới cơ chế tài chính y tế, thực hiện lộ trình phù hợp tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến. Chỉ đạo nâng cao chất lượng bệnh viện, phấn đấu tất cả cơ sở khám, chữa bệnh nâng điểm chất lượng theo tiêu chí của Bộ Y tế. Đẩy mạnh cải

cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh (*bệnh án điện tử; bệnh viện thông minh; khám, chữa bệnh từ xa; chụp chiếu không cần in phim*). Triển khai phát triển một số kỹ thuật mới, chuyên sâu tại các bệnh viện tuyến tỉnh và Trung tâm Y tế các huyện⁵⁸. Tăng cường kiểm soát và hạn chế tối đa tình trạng vượt dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ

Triển khai thực hiện tốt việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Coi trọng việc dạy học ngoại ngữ, tin học; xây dựng và phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ ở các cấp học và trình độ đào tạo; giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực cá nhân của người học, áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực. Xây dựng các cơ chế chính sách nhằm tạo sự bình đẳng, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập. Xây dựng phong trào rèn luyện thể chất mạnh mẽ trong nhà trường. Tập trung triển khai Chương trình “*Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030*”.

Chú trọng xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nhằm tạo bước chuyển biến mới về chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các nhà trường. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng đội ngũ; ưu tiên những người có trình độ đào tạo trên chuẩn, không tuyển cán bộ, giáo viên chưa đạt chuẩn đào tạo.

Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 09/6/2021 của Tỉnh ủy về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động trên cơ sở nhu cầu thị trường và cơ cấu hợp lý. Thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025; tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động tham gia sản xuất công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, dịch vụ; đảm bảo về số lượng và chất lượng, lao động có kỹ năng nghề, tay nghề cao, bằng cấp, chứng chỉ. Tăng cường chỉ đạo sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành đối với công tác đào tạo nghề, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề. Thúc đẩy hoạt động đào tạo nghề theo định hướng hợp tác, liên kết với DN cùng đào tạo là chủ đạo. Tích cực khuyến khích, kêu gọi các DN tham gia đầu tư vào xây dựng các trường, trung tâm đào tạo nghề cho các KCN, CCN.

Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và thu hút nguồn nhân lực cho khoa học công nghệ; phát triển phong trào đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo, lấy DN làm trung tâm, chủ thể. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch triển khai Đề án Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ DN nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ năm 2030... Nâng cao chất lượng công tác thẩm định công nghệ các dự án thu hút đầu tư.

⁵⁸Triển khai các kỹ thuật điều trị ung thư bằng ứng dụng y học hạt nhân (Điều trị ung thư tuyến giáp bằng Iod phóng xạ 131, kỹ thuật xạ hình tuyến giáp, xạ hình xương bằng máy SPECT/CT) tại Bệnh viện Ung bướu; kỹ thuật thận nhân tạo tại Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng, Lạng Giang và Việt Yên.

7. Phát triển văn hóa xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước". Quan tâm hơn nữa bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản, văn hoá dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Đẩy mạnh công tác kiểm kê, nghiên cứu, phục dựng và quảng bá di sản, gắn các nội dung phát triển văn hóa với phát triển du lịch. Tập trung xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, đời sống văn hoá cơ sở, văn hoá công vụ, đặc biệt là đạo đức công vụ.

Vận động xây dựng đời sống văn hóa cơ sở lành mạnh, phù hợp với các tiêu chí NTM, từng bước nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Tập trung tuyên truyền, hướng dẫn các hoạt động thể dục, thể thao, phát triển thể thao quần chúng, khôi phục tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên, tỷ lệ gia đình thể thao. Từng bước xây dựng và phát triển nền thể thao tinh theo hướng hiện đại.

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách xã hội, chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người yếu thế trong xã hội, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt Chương trình MTQG giảm nghèo, Chương trình MTQG về xây dựng NTM, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025... thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng. Tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để phát triển trẻ em toàn diện; phát huy vai trò người cao tuổi; thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, phòng chống tệ nạn xã hội. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng.

Đẩy mạnh các giải pháp thực hiện chăm lo, bảo đảm đời sống cho người lao động. Tổ chức thông tin, điều tiết kết nối cung - cầu lao động, đảm bảo ổn định và phát triển thị trường lao động. Đẩy nhanh tiến độ các dự án nhà ở công nhân nhằm nhanh chóng đáp ứng nhu cầu của người lao động. Thực hiện hiệu quả Đề án xây dựng "Nhà trọ công nhân an toàn, văn minh". Tập trung khắc phục những tồn tại hạn chế đã được chỉ ra tại Nghị quyết của HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm, giai đoạn 2020-2022.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người lao động hiểu rõ sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của chính sách bảo hiểm xã hội, lợi ích lâu dài của việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo đảm an sinh xã hội bền vững. Tập trung thúc đẩy phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (giai đoạn 2021-2025) theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 02/7/2021.

8. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường chuyển đổi số

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu, phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kiểm soát quyền lực. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, đổi mới sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết liệt, hiệu quả trong hành động. Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác cải cách tổ chức bộ máy, thực

hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Tập trung cải cách thể chế; nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường công tác rà soát, kiểm tra cơ chế chính sách còn bất cập; kịp thời phát hiện, xử lý các nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp cần sửa đổi bổ sung, bãi bỏ. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thi hành pháp luật. Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính.

Đẩy mạnh hiện đại hóa nền hành chính, tập trung triển khai các nhiệm vụ xây dựng thành phố thông minh, chính quyền điện tử, chính quyền số; triển khai hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các đề án, dự án đầu tư về công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã được phê duyệt. Nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, công tác gửi nhận văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số; áp dụng hệ thống ISO, ứng dụng phần mềm, liên thông, chia sẻ dữ liệu, nâng cao hiệu quả trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ tại các cơ quan nhà nước trong tỉnh. Nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đảm bảo tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt trên 90%, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt trên 60%, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 40%.

Tiếp tục hoàn thiện và triển khai thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách liên quan đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Khuyến khích và đẩy mạnh các hoạt động xã hội hóa, thu hút đầu tư của tổ chức, cá nhân tư nhân hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Hình thành môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển DN khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trong đó đặc biệt chú trọng công tác bảo vệ bản quyền, sở hữu trí tuệ.

9. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng của đất nước và của tỉnh. Chỉ đạo làm tốt công tác chuẩn bị tổ chức diễn tập KVPT tỉnh Bắc Giang, huyện Việt Yên, thành phố Bắc Giang năm 2023. Triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng công trình Quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2021-2030”. Quản lý tốt đất quốc phòng, khu quân sự, các địa hình có giá trị về quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo làm tốt công tác tuyển quân, động viên quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân năm 2023, hoàn thành 100% chỉ tiêu đề ra.

Quản trịệt, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 14/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 28/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Thực hiện nghiêm, hiệu quả Chỉ thị số 9/CT-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về mở đợt cao điểm tấn công trấn áp tội

phạm bảo đảm an ninh, trật tự tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023. Tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh chính trị, tôn giáo, trật tự an toàn xã hội, an dân. Nâng cao năng lực đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm của lực lượng chuyên trách. Phát huy vai trò của lực lượng Công an chính quy cấp xã và phong trào quần chúng để làm tốt công tác an ninh trật tự.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Tăng cường quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; quản lý trong lĩnh vực đấu thầu, đấu giá, quản lý tài chính, đất đai, tài nguyên khoáng sản, môi trường. Đảm bảo trật tự an toàn giao thông; xử lý nghiêm tình trạng xe quá khổ, quá tải, đón trả khách không đúng nơi quy định, lái xe vi phạm nồng độ cồn, kiểm chế và làm giảm tai nạn giao thông.

Thực hiện hiệu quả Kết luận số 53- KL/TU ngày 01/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 109-NQ/TU ngày 04/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Nghị quyết số 533-NQ/BCS ngày 29/7/2022 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật; đẩy mạnh công tác thanh tra, tự kiểm tra, giải quyết tố cáo nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp tham nhũng; tăng cường hiệu quả phối hợp giữa cơ quan thanh tra và các cơ quan tư pháp trong việc xử lý các vụ việc có dấu hiệu phạm tội về tham nhũng, đồng thời chỉ đạo quyết liệt việc xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các trường hợp vi phạm pháp luật về tham nhũng trên địa bàn tỉnh.

Quán triệt, triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC. Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC; thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân theo quy định của pháp luật; giải quyết kịp thời các vụ việc, mâu thuẫn mới phát sinh ngay tại cơ sở; nâng cao chất lượng giải quyết các vụ việc, trước mắt tập trung cao giải quyết dứt điểm các vụ việc công dân khiếu kiện vượt cấp ra Trung ương, các vụ việc do các cơ quan Trung ương chuyển về tỉnh; phấn đấu không để phát sinh “điểm nóng” về KNTC. Tập trung giải quyết vụ việc ngay từ khi mới phát sinh; tăng cường đối thoại trong giải quyết vụ việc. Gắn trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư KNTC.

10. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội

Tập trung triển khai Đề án Đẩy mạnh hợp tác quốc tế cấp địa phương của tỉnh Bắc Giang với các địa phương nước ngoài giai đoạn 2021-2025. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản, 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và 10 năm đối tác chiến lược Việt Nam - Pháp; 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Singapore và 10 năm thiết lập quan hệ đối tác chiến lược giữa 2 nước; 50 năm thiết lập quan hệ Việt Nam - Malaysia. Triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận hợp tác giữa UBND tỉnh Bắc Giang với Chính quyền tỉnh Xay Sôm Bun (Lào).

Làm tốt công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền. Chỉ đạo tuyên truyền thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về phát triển KTXH; các kỳ họp của HĐND tỉnh; tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; tuyên truyền các ngày kỷ niệm lớn trong năm; tuyên truyền công tác cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch hiệu quả vừa khôi phục phát triển sản xuất. Thường xuyên theo dõi, rà soát, phối hợp với các đơn vị chuyên môn, kịp thời phát hiện, đề nghị các cơ quan báo chí chỉnh sửa, cải chính những nội dung thông tin thiếu chính xác, thiếu kiểm chứng về tỉnh.

Quán triệt, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với các cơ quan của Đảng, HĐND các cấp trong việc kiểm tra, theo dõi, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt dân chủ cơ sở; phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể Nhân dân, nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH đã đề ra./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- VP TU và các ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh, các ban HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- Huyện ủy, UBND huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn